BỘ CÔNG THƯƠNG

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM NĂM 2022

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2021, COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ của Việt Nam nói riêng và toàn cầu nói chung. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với năm trước, làm giảm 0,02 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 5,02%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,81%, làm giảm 0,51 điểm phần trăm. Tổng kết cả năm 2021, tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Trong bối cảnh đó, thương mại điện tử Việt Nam vẫn giữ tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức 16%, doanh thu bán lẻ đạt 13,7 tỷ USD năm 2021; tỷ trọng doanh thu bán lẻ thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước đạt 7%, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020.

Bước sang năm 2022, Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử chính thức có hiệu lực. Khung pháp lý cho hoạt động thương mại điện tử ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử Việt Nam tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ thời gian qua, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong hệ thống thương mại nội địa, góp phần tạo dựng niềm tin cho người tiêu dùng, cũng như đảm bảo vai trò quản lý của nhà nước.

Để có góc nhìn toàn diện về tình hình ứng dụng thương mại điện tử Việt Nam dưới tác động của dịch bệnh trong bức tranh chung thương mại điện tử toàn cầu năm 2022 cùng với các quy định pháp luật mới có hiệu lực, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương tiếp tục xây dựng ấn phẩm ***Sách Thương mại điện tử Việt Nam năm 2022***. Tương tự như những ấn phẩm được xuất bản trước đây, nội dung Sách được xây dựng từ kết quả điều tra gần 5.000 người tiêu dùng và khoảng 10.000 doanh nghiệp, cùng với số liệu tổng hợp từ một số tổ chức có uy tín trên thế giới.

Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số hi vọng ấn phẩm này sẽ mang lại nhiều thông tin hữu ích cho các đơn vị quản lý nhà nước, các chuyên gia, các tổ chức, cá nhân quan tâm đến lĩnh vực thương mại điện tử. Chúng tôi luôn luôn hoan nghênh mọi ý kiến góp ý để ấn phẩm ngày càng được hoàn thiện, phong phú hơn về nội dung. Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn các cá nhân, tổ chức đã phối hợp cung cấp thông tin phục vụ điều tra cũng như hoàn thiện nội dung ấn phẩm.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 3

CHƯƠNG I: CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TMĐT TẠI VIỆT NAM 9

I. CẬP NHẬT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 10

1. Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ 11

2. Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương 12

3. Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ 13

II. THÔNG TIN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 14

1. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT 14

2. Số lượng website, ứng dụng TMĐT đã được Bộ Công Thương xác nhận thông báo, đăng ký 14

3. Số lượng phản ánh, khiếu nại trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT trong năm 2021 15

CHƯƠNG II: TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á 17

I. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THẾ GIỚI 18

1. Tình hình sử dụng Internet 18

2. Quy mô thị trường TMĐT B2C 21

II. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ĐÔNG NAM Á 24

1. Tình hình sử dụng Internet và tham gia TMĐT 24

2. Quy mô nền kinh tế Internet khu vực Đông Nam Á 29

CHƯƠNG III: NGƯỜI TIÊU DÙNG THAM GIA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 33

I. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN LẺ TẠI VIỆT NAM 34

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHẢO SÁT CỘNG ĐỒNG NGƯỜI TIÊU DÙNG 35

1. Độ tuổi người tham gia khảo sát 35

2. Nhóm nghề nghiệp của người tham gia khảo sát 35

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG INTERNET 36
1. Phương tiện truy cập internet của người dân 36
2. Thời lượng truy cập internet trung bình mỗi ngày 36
3. Mục đích sử dụng internet 37
IV. TÌNH HÌNH THAM GIA MUA SẮM TRỰC TUYẾN 37
1. Tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến 37
2. Cách thức tìm kiếm thông tin khi mua hàng trực tuyến 38
3. Phương tiện điện tử thường được sử dụng để đặt hàng trực tuyến 38
4. Loại hàng hóa, dịch vụ thường được mua trên mạng 39
5. Các kênh mua sắm trực tuyến 39
6. Hình thức thanh toán được ưu tiên lựa chọn 40
7. Số lượng hàng hóa/ dịch vụ mua sắm trực tuyến trung bình của một người trong năm 41
8. Giá trị hàng hóa mua sắm trực tuyến của một người trong năm 41
9. Người tiêu dùng mua hàng qua các website nước ngoài 41
10. Các hình thức mua hàng từ website nước ngoài 42
11. Người tiêu dùng mua hàng của người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT Việt Nam 42
12. Lý do người tiêu dùng lựa chọn mua hàng của người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT tại Việt Nam 43
V. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VỀ HOẠT ĐỘNG MUA SẮM TRỰC TUYẾN 43
1. Mức độ hài lòng của người tiêu dùng 43
2. Tiêu chí người tiêu dùng quan tâm khi mua sắm trực tuyến 44
3. Người tiêu dùng sẽ tiếp tục mua hàng trực tuyến 44
VI. TRỞ NGẠI KHI MUA HÀNG TRỰC TUYẾN 45
1. Các trở ngại khi mua hàng trực tuyến 45
2. Lý do chưa mua sắm trực tuyến 45

CHƯƠNG IV: TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRONG DOANH NGHIỆP 47

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT 48

1. Loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát 48

2. Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp 48

3. Quy mô của doanh nghiệp tham gia khảo sát 49

II. MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG DỤNG TMĐT CỦA DOANH NGHIỆP 49

1. Hạ tầng công nghệ thông tin 49

2. Nguồn nhân lực cho thương mại điện tử 51

3. Tình hình sử dụng chữ ký số, hợp đồng và hóa đơn điện tử 51

III. DOANH NGHIỆP ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 52

1. Thương mại điện tử trên nền tảng website 52

2. Thương mại điện tử trên nền tảng di động 55

IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ/ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG 57

1. Quảng cáo website/ ứng dụng TMĐT 57

2. Tình hình vận hành website/ ứng dụng di động 58

V. CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 60

1. Phương thức vận chuyển hàng hóa mà doanh nghiệp sử dụng 60

2. Tỷ lệ của chi phí hoàn tất đơn hàng và giao hàng chặng cuối so với doanh thu từ hoạt động TMĐT của doanh nghiệp 60

3. Phương thức thanh toán mà doanh nghiệp sử dụng 61

4. Tỷ lệ doanh nghiệp có tích hợp tính năng tương tác trực tuyến 61

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CỦA DOANH NGHIỆP 61

1. Tỷ lệ doanh nghiệp có tra cứu thông tin trên website của cơ quan nhà nước 61

2. Các loại dịch vụ công trực tuyến doanh nghiệp đã sử dụng 62

3. Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên website của cơ quan nhà nước 62

4. Đánh giá của doanh nghiệp về lợi ích của dịch vụ công trực tuyến 62

CHƯƠNG V: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC WEBSITE, ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 63

I. THÔNG TIN CHUNG 64

1. Website/ứng dụng TMĐT bán hàng 64

2. Website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT 66

II. CÁC TIỆN ÍCH HỖ TRỢ TMĐT ĐƯỢC CUNG CẤP TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG DI ĐỘNG 69

1. Các tiện ích và công cụ hỗ trợ được cung cấp trên website, ứng dụng di động 69

2. Mạng xã hội tích hợp trên website, ứng dụng di động 70

3. Website, ứng dụng di động tương thích môi trường di động 70

4. Tình hình thanh toán 71

5. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ 72

III. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG TMĐT BÁN HÀNG 75

1. Tổng quan 75

2. Hàng hóa, dịch vụ được mua, sử dụng nhiều nhất trên website, ứng dụng TMĐT bán hàng 75

3. Giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua nhiều nhất trên website, ứng dụng TMĐT bán hàng 76

4. Tỷ lệ khách hàng mua hàng lần thứ 2 trở lên 76

5. Nguồn thu chính của website, ứng dụng TMĐT bán hàng 77

6. Tỷ lệ chi phí đầu tư đối với hoạt động TMĐT 77

7. Thị phần TMĐT bán hàng 78

IV. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TMĐT 79

1. Hàng hóa, dịch vụ được mua, sử dụng nhiều nhất trên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT 79

2. Giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua nhiều nhất trên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT 80

3. Khách hàng mua hàng lần thứ 2 trở lên 80

4. Nguồn thu chính của website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT 81

5. Chi phí đầu tư cho hoạt động TMĐT 81

6. Thị phần cung cấp dịch vụ TMĐT 82

7. Người bán nước ngoài trên website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT 83

V. KHÓ KHĂN, TRỞ NGẠI KHI VẬN HÀNH WEBSITE/ỨNG DỤNG DI ĐỘNG 84

PHỤ LỤC 85

PHỤ LỤC 1: BẢNG CẬP NHẬT KHUNG PHÁP LÝ CƠ BẢN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM 86

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH TỈNH/THÀNH PHỐ BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẠI ĐỊA PHƯƠNG 95

CHƯƠNG I

CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TMĐT TẠI VIỆT NAM

I. CẬP NHẬT MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (sau đây gọi là Nghị định 85). Nhằm kịp thời hướng dẫn thực thi Nghị định 85, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động (sau đây gọi là Thông tư 01).

Về chế tài xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động TMĐT, ngày 31 tháng 01 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (sau đây gọi là Nghị định 17).

Sau đây là nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực TMĐT.

1. Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ

Nghị định 85 có những điểm mới quan trọng cần lưu ý:

Nghị định 85
05 điểm mới

01 THU HẸP ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Chỉ website TMĐT bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo.

02 MINH BẠCH THÔNG TIN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

- Đối với hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên website, người bán phải cung cấp những thông tin để khách hàng có thể xác định chính xác các đặc tính của hàng hóa, dịch vụ nhằm tránh sự hiểu nhầm khi quyết định việc đề nghị giao kết hợp đồng (khoản 1 Điều 30);
- Thông tin về hàng hóa công bố trên website phải bao gồm các nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa, trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất; hạn sử dụng; số lô sản xuất; số khung, số máy (khoản 2 Điều 30).

03 TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA THƯƠNG NHÂN, TỔ CHỨC CUNG CẤP SÀN GIAO DỊCH TMĐT

- Yêu cầu người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin theo quy định khi đăng ký sử dụng dịch vụ. Với người bán nước ngoài, các tên riêng được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh (khoản 3 Điều 36);
- Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên sàn (khoản 8 Điều 36);
- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại (khoản 9 Điều 36);

04 CÁC HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA SÀN GIAO DỊCH TMĐT

a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;

b) Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng với khách hàng;

c) Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ;

d) Mạng xã hội có một trong các hình thức hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản này và người tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp trả phí cho việc thực hiện các hoạt động đó.

05 TMĐT CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

- Thương nhân, tổ chức nước ngoài có website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam (Điều 67a);
- Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam (Điều 67b);
- Điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử (Điều 67c).

2. Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

Thông tư 01 đã hướng dẫn chi tiết một số quy định mới tại Nghị định 85 bao gồm:

Nguyên tắc thông báo, đăng ký website TMĐT (Điều 5)

Thương nhân, tổ chức sở hữu website TMĐT có cả chức năng bán hàng và cung cấp dịch vụ TMĐT **chỉ thực hiện thủ tục đăng ký** với Bộ Công Thương.

Phương thức báo cáo của thương nhân, tổ chức đã đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT (Điều 20)

Số liệu thống kê về tình hình hoạt động của thương nhân, tổ chức được thực hiện theo một trong hai phương thức bao gồm: **trực tuyến; hoặc qua bưu điện**

Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

Thông tư 01 quy định cụ thể những nội dung phải được công bố trong quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử công khai trên trang chủ của website và quy định thông báo cho các đối tượng sử dụng dịch vụ ít nhất 05 ngày trước khi áp dụng những thay đổi liên quan đến quy chế hoạt động. Bộ Công Thương công bố công khai danh sách thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã hoàn thành thủ tục đăng ký và được xác nhận.

3. Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

Nghị định 17 đã sửa đổi một số nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động TMĐT quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh, báo cáo số liệu thống kê không đúng thời hạn hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Hành vi vi phạm về thiết lập website TMĐT hoặc ứng dụng di động – Điều 62 Nghị định 98).

Không có cơ chế để khách hàng đồng ý với các điều kiện giao dịch chung trước khi gửi đề nghị giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến; Cung cấp thông tin hoặc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện kinh doanh trên môi trường Internet (Hành vi vi phạm về thông tin và giao dịch trên website TMĐT hoặc ứng dụng di động – Điều 63 Nghị định 98).

Không thể hiện bằng phiên âm tiếng Việt hoặc ký tự La tinh với các tên riêng của người bán nước ngoài; Không hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, xử lý, giải quyết tranh chấp (Hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ TMĐT – Điều 64 Nghị định 98).

Không hiển thị rõ ràng hoặc đường dẫn tới thông tin chính sách bảo vệ thông tin cá nhân người tiêu dùng (Hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động TMĐT – Điều 65 Nghị định 98).

Cung cấp dịch vụ không đúng với hồ sơ đăng ký; Cung cấp dịch vụ khi chưa được xác nhận đăng ký (Hành vi vi phạm về hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong TMĐT – Điều 66 Nghị định 98).

II. THÔNG TIN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Số lượng hồ sơ tiếp nhận trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT

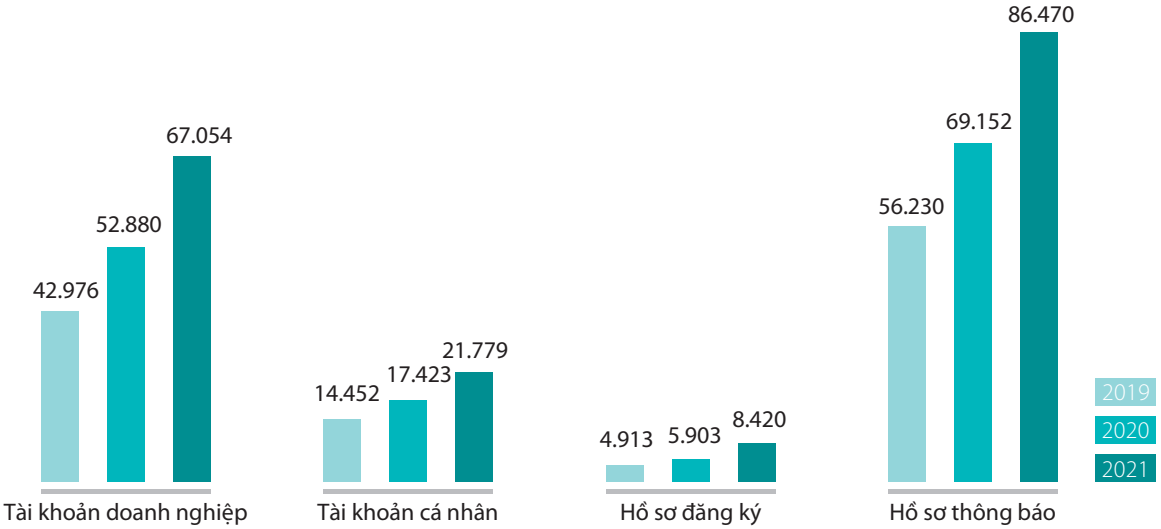

2. Số lượng website, ứng dụng TMĐT đã được Bộ Công Thương xác nhận thông báo, đăng ký

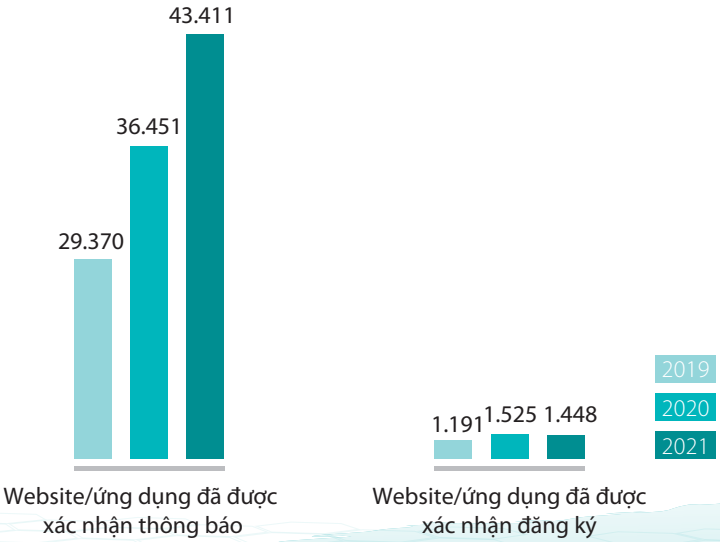

3. Số lượng phản ánh, khiếu nại trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT trong năm 2021

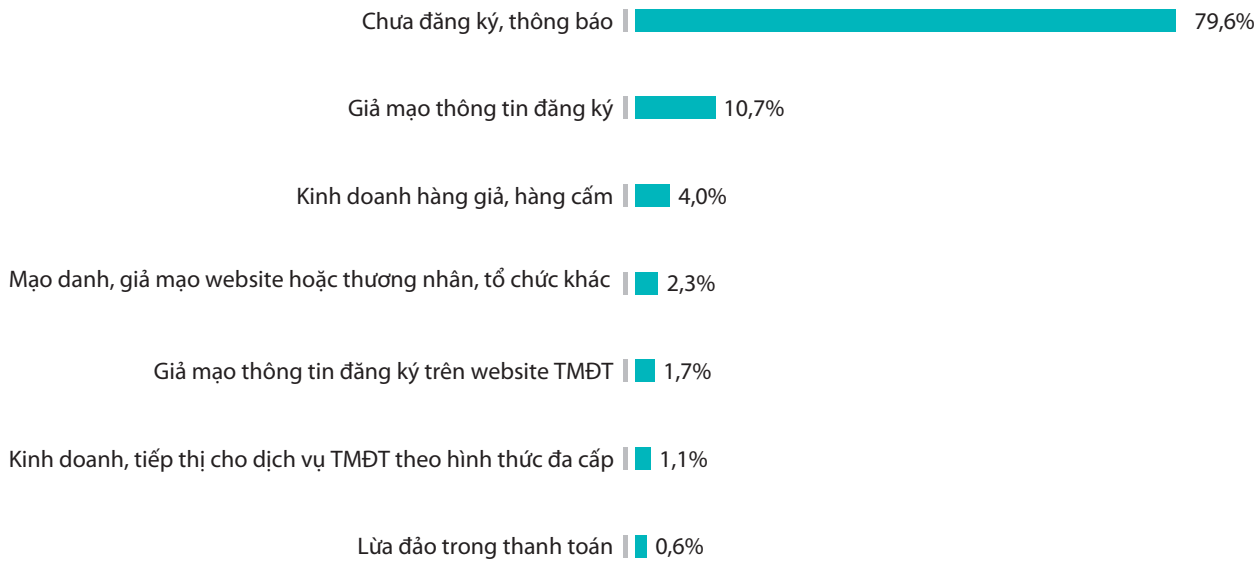

CHƯƠNG II

TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THẾ GIỚI

1. Tình hình sử dụng Internet

1.1. Lượng người dùng Internet

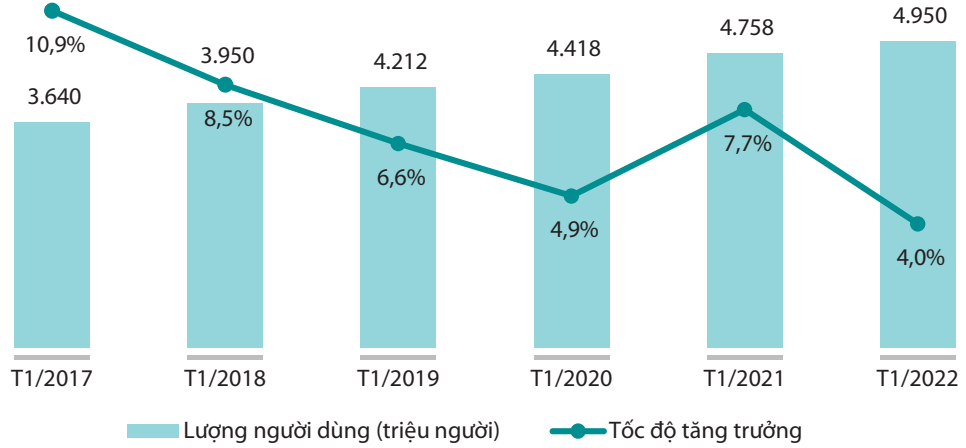

Nguồn: Báo cáo "Digital 2021 global overview report" của We are social & Hootsuite

1.2. Thời gian trung bình truy cập Internet [1]

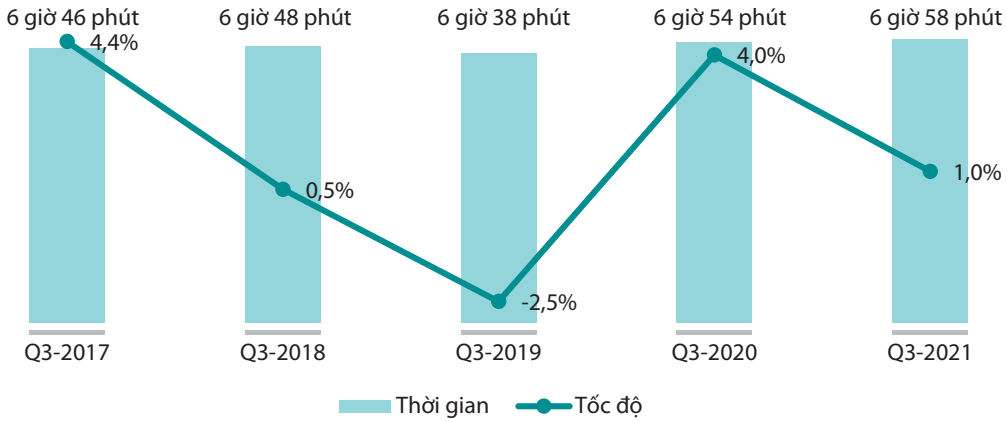

Nguồn: Báo cáo "Digital 2021 global overview report" của We are social & Hootsuite

[1] *Khảo sát được thực hiện với người dùng độ tuổi từ 16-64 có sử dụng internet hàng ngày.*

1.3. Thời gian trung bình truy cập Internet của một số quốc gia [2]

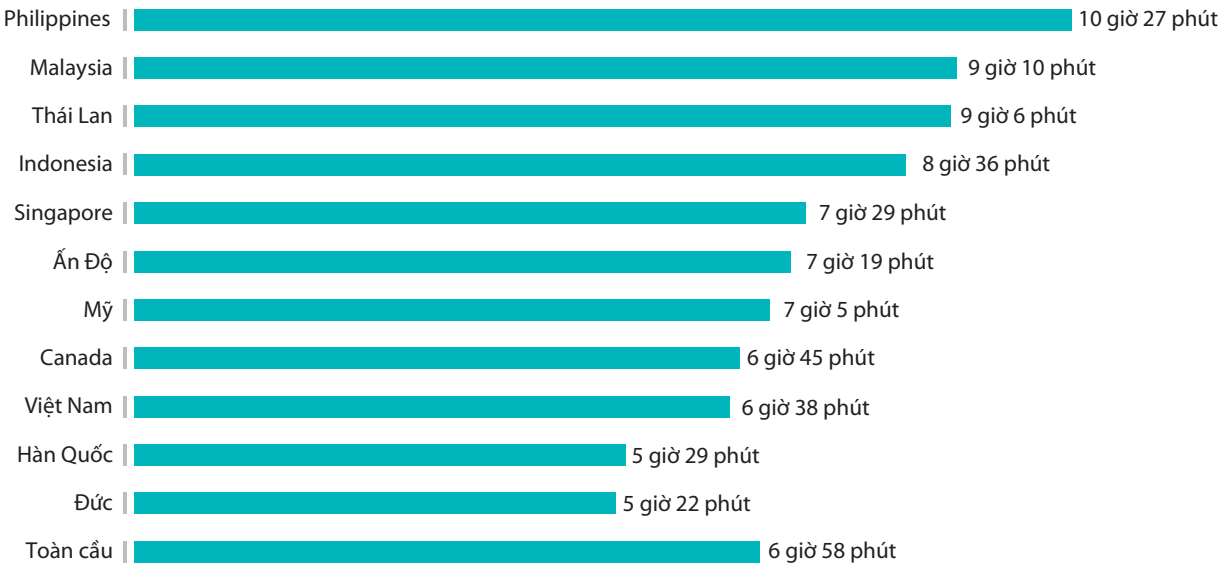

1.4. Hoạt động mua sắm trực tuyến hàng tuần [3]

58,4% Người dùng Internet có mua hàng hóa hoặc dịch vụ

Người dùng Internet đặt mua hàng tạp hóa qua một cửa hàng trực tuyến **28,3%**

14,4% Người dùng Internet mua hàng đã qua sử dụng qua một cửa hàng trực tuyến

Người dùng Internet sử dụng dịch vụ so sánh giá trực tuyến **24,6%**

17,8% Người dùng Internet sử dụng dịch vụ mua ngay, trả sau

Nguồn: Báo cáo "Digital 2022 global overview report" của We are social & Hootsuite

[2] *Khảo sát được thực hiện với người dùng độ tuổi từ 16-64 có sử dụng internet hàng ngày.*
[3] *Người dùng Internet trong độ tuổi 16-64 tham gia các hoạt động mua sắm trực tuyến hàng tuần.*

1.5. Người dùng Internet mua sắm hàng tuần tại một số quốc gia [4]

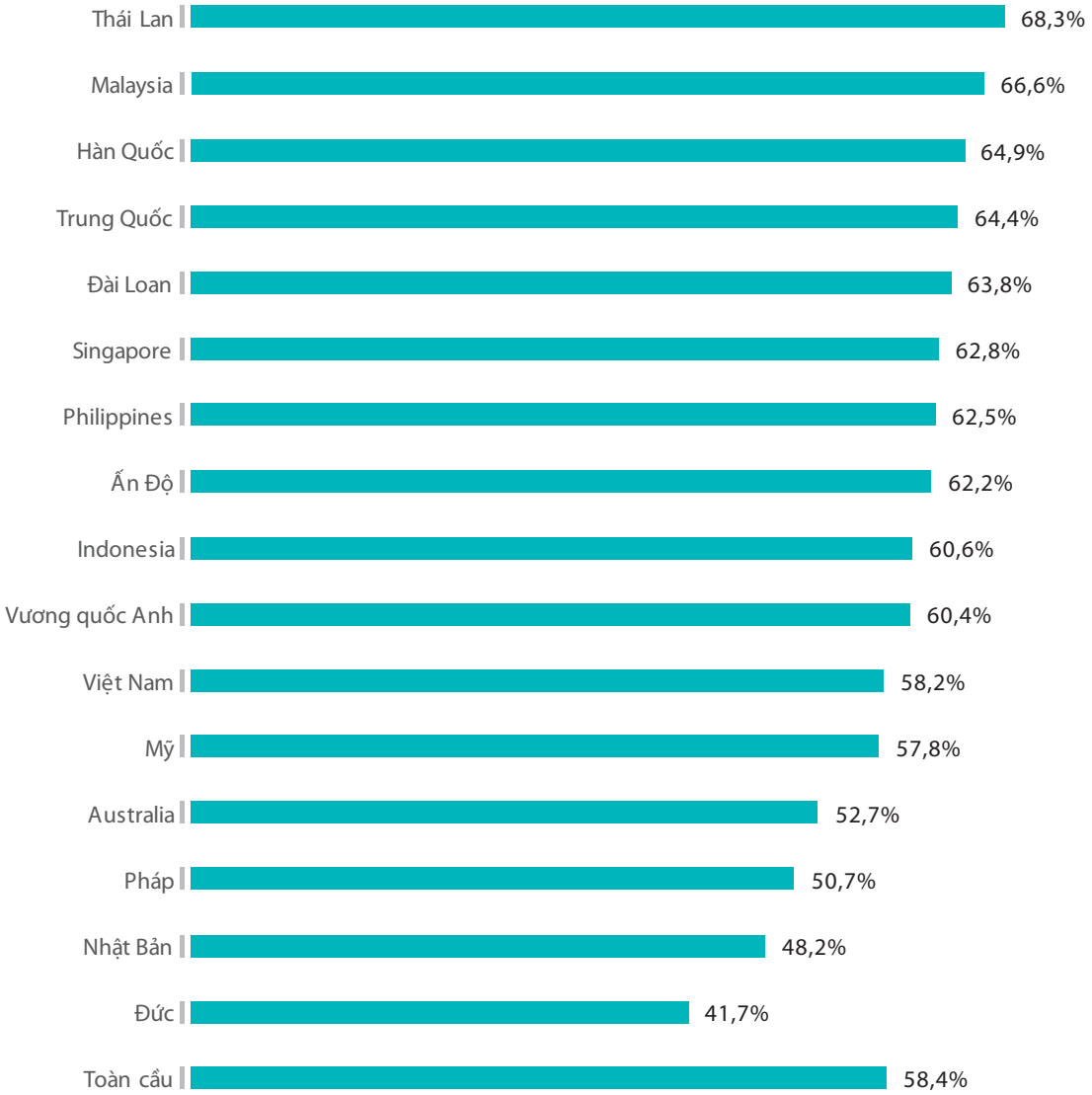

Nguồn: Báo cáo "Digital 2022 global overview report" của We are social & Hootsuite

[4] *Khảo sát được thực hiện với người dùng độ tuổi từ 16-64 có sử dụng internet hàng ngày.*

2. Quy mô thị trường TMĐT B2C

2.1. Toàn cầu

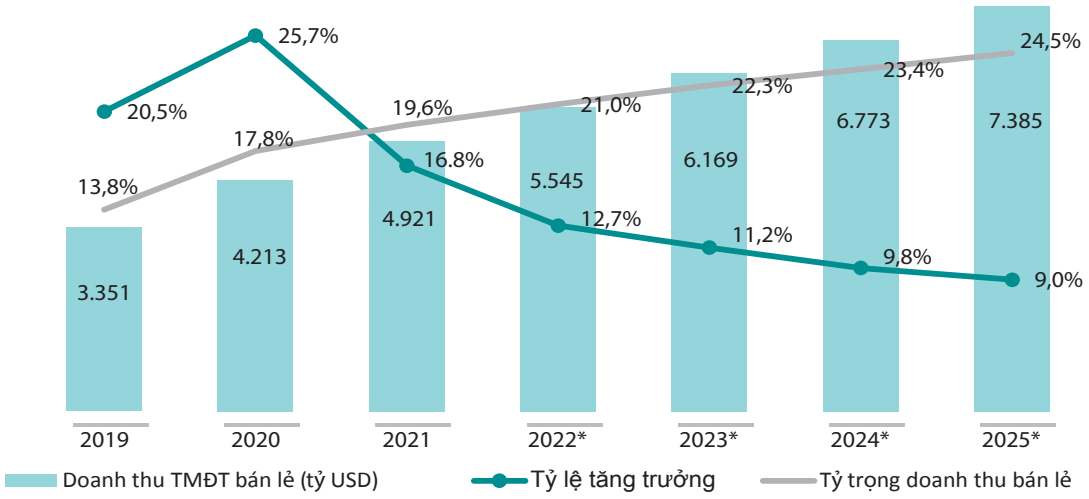

Nguồn: eMarketer.com [5]

** Số liệu dự báo*

2.2. Top 10 quốc gia có thị phần TMĐT lớn nhất 2021

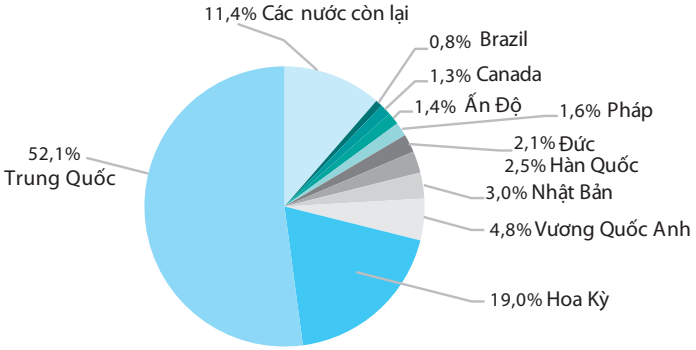

Nguồn: eMarketer.com [6]

[5] *https://www.emarketer.com/content/worldwide-ecommerce-continues-double-digit-growth-following-pandemic-push-online.*
[6] *https://www.emarketer.com/content/worldwide-ecommerce-continues-double-digit-growth-following-pandemic-push-online.*

2.3. Trung Quốc [7]

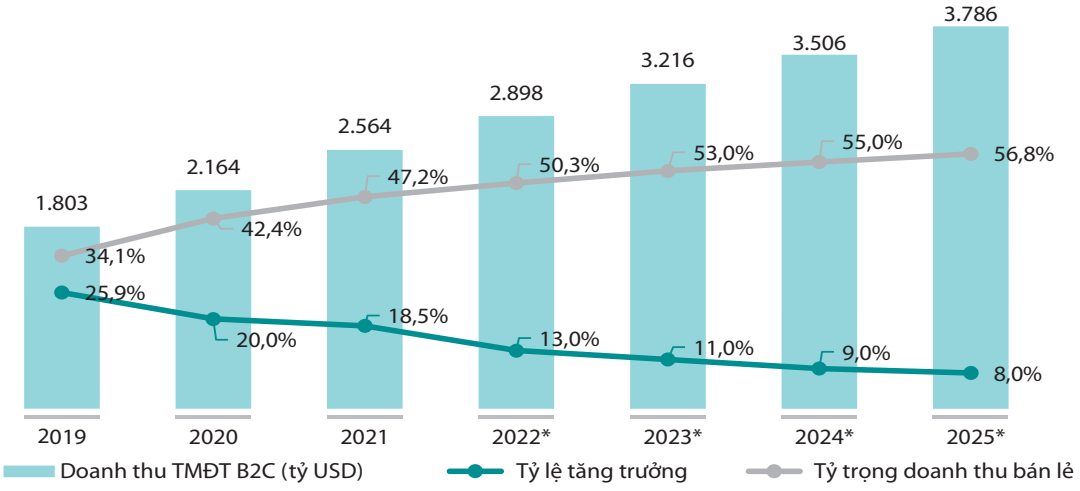

Nguồn: eMarketer.com [8]

** Số liệu dự báo*

2.4. Hoa Kỳ

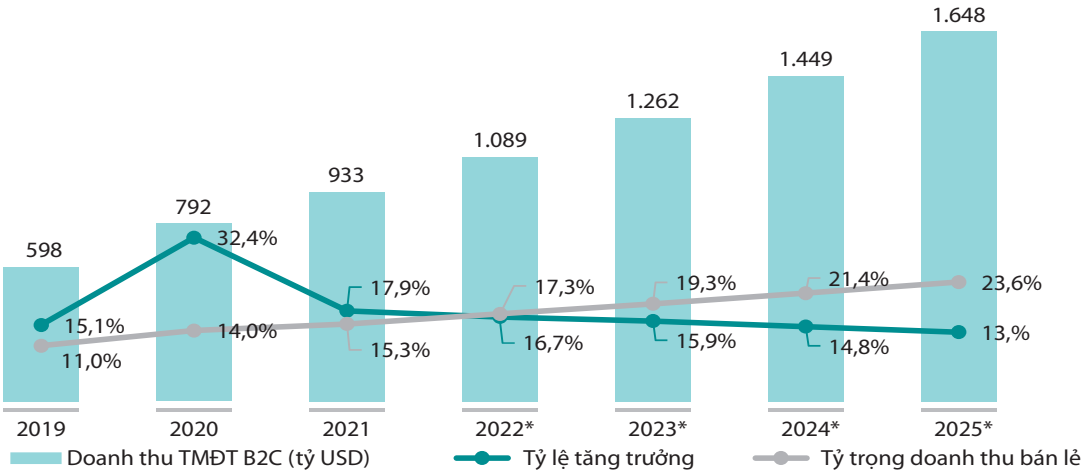

Nguồn: eMarketer.com [9]

** Số liệu dự báo*

[7] *Doanh thu TMĐT bán lẻ của Trung Quốc không bao gồm HongKong.*
[8] *https://www.emarketer.com/content/china-ecommerce-forecast-2021.*
[9] *https://www.emarketer.com/content/us-ecommerce-forecast-2021.*

2.5. Ấn Độ

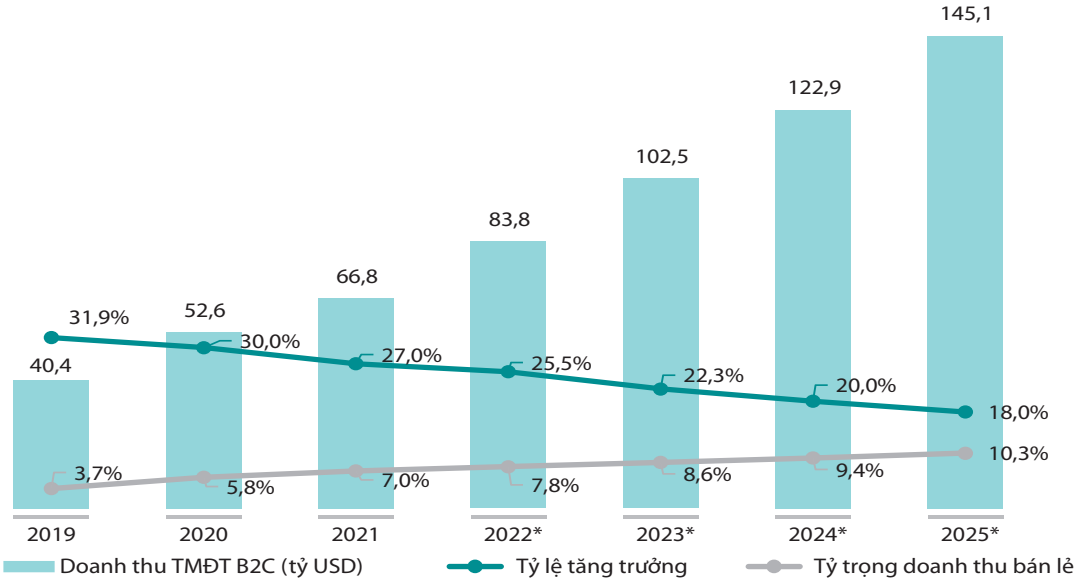

Nguồn: eMarketer.com [10] ** Số liệu dự báo*

2.6. Doanh thu TMĐT toàn cầu qua mạng xã hội [11]

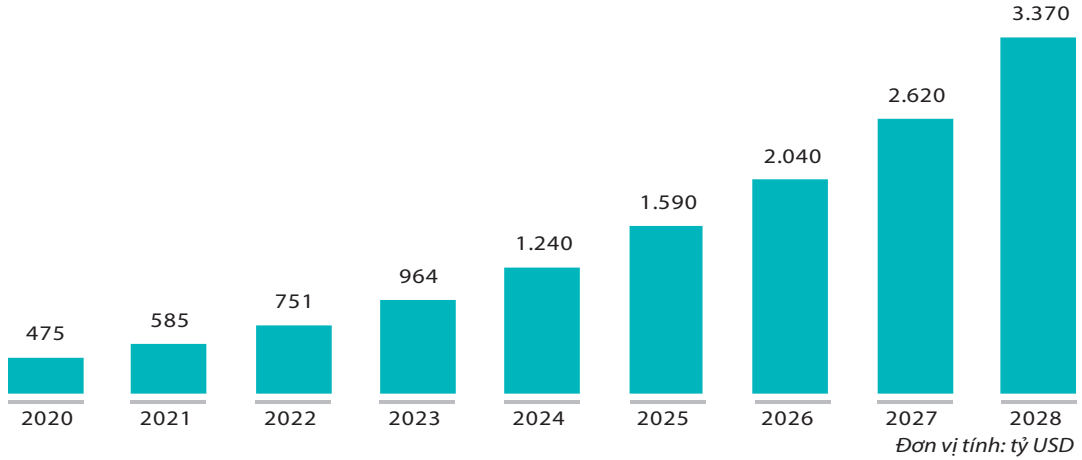

Nguồn: statista.com [12]

[10] *https://www.emarketer.com/content/health-crisis-accelerates-india-s-ecommerce-adoption-by-least-3-years.*
[11] *Doanh thu TMĐT qua mạng xã hội từ năm 2021 đến 2028 là số liệu dự báo.*
[12] *https://www.statista.com/statistics/1231944/social-commerce-global-market-size/.*

II. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ ĐÔNG NAM Á

1. Tình hình sử dụng Internet và tham gia TMĐT

1.1. Số người sử dụng Internet

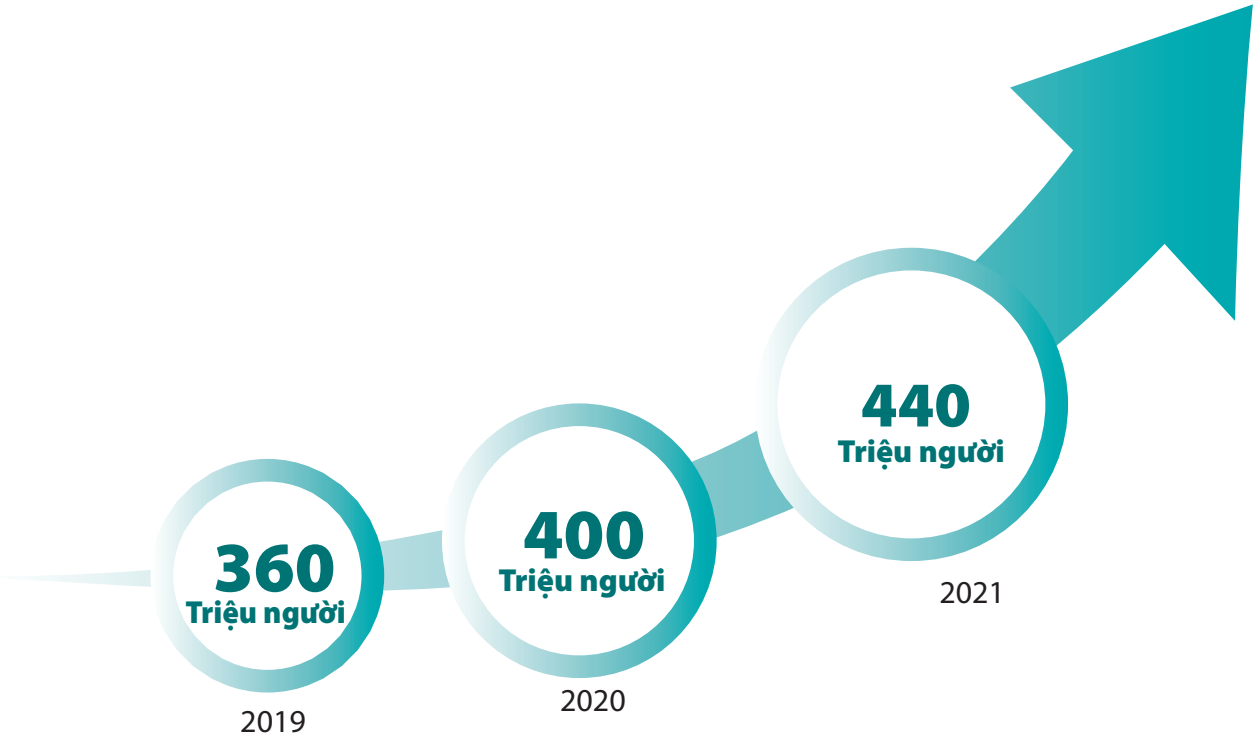

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

1.2. Số lượng người tiêu dùng số [13]

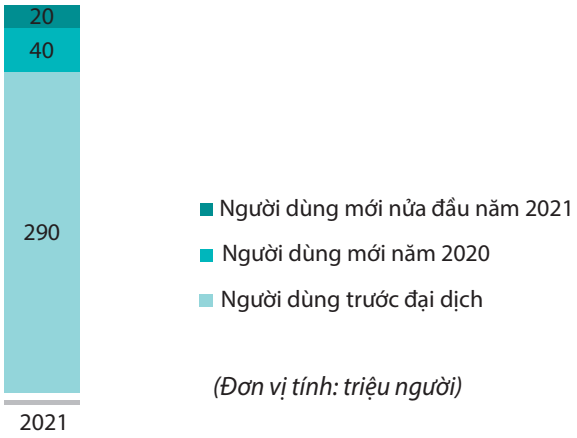

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

1.3. Người tiêu dùng mua sắm trực tuyến của các quốc gia khu vực Đông Nam Á

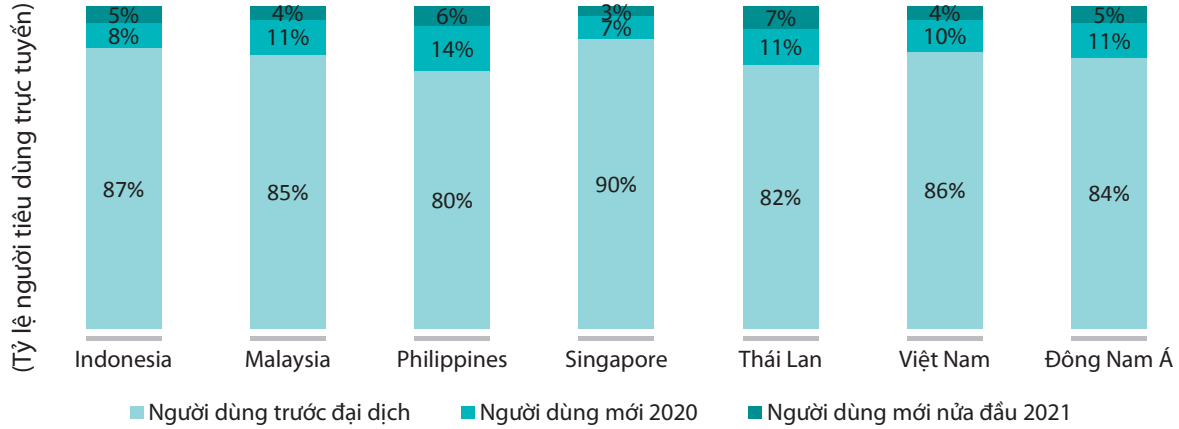

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021"của Google, Temasek và Bain & Company

[13] *Người tiêu dùng trước đại dịch là người tiêu dùng số sử dụng dịch vụ số trước T3/2020; Người tiêu dùng mới năm 2020 là người tiêu dùng số bắt đầu sử dụng dịch vụ số từ T3 đến T12 năm 2020; Người tiêu dùng mới năm 2021 là người tiêu dùng số bắt đầu sử dụng dịch vụ số trong năm 2021.*

1.4. Người tiêu dùng mua sắm trực tuyến [14]

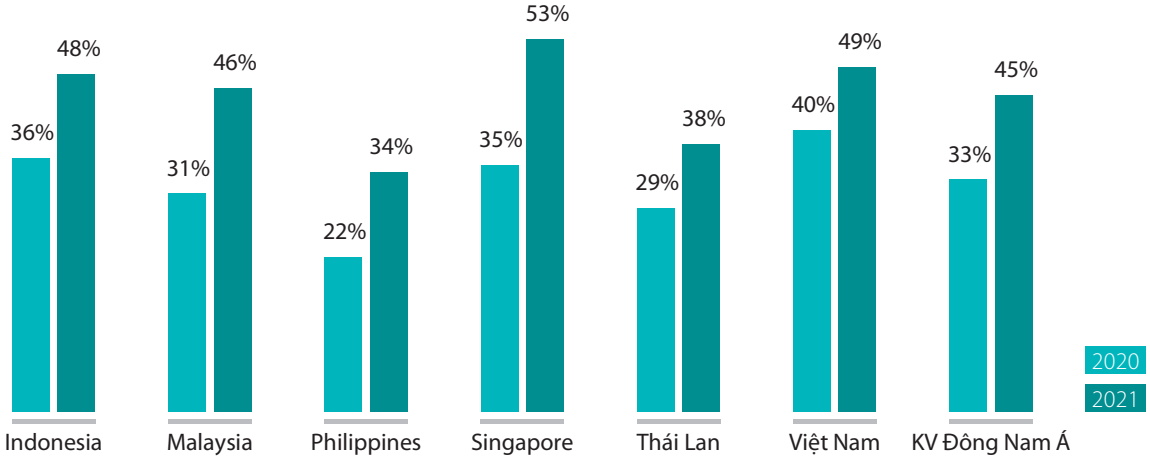

Nguồn: Báo cáo "Đông Nam Á, ngôi nhà cho sự chuyển đổi kỹ thuật số" của Facebook và Bain & Company

1.5. Hàng hóa, dịch vụ được người tiêu dùng mua sắm trực tuyến

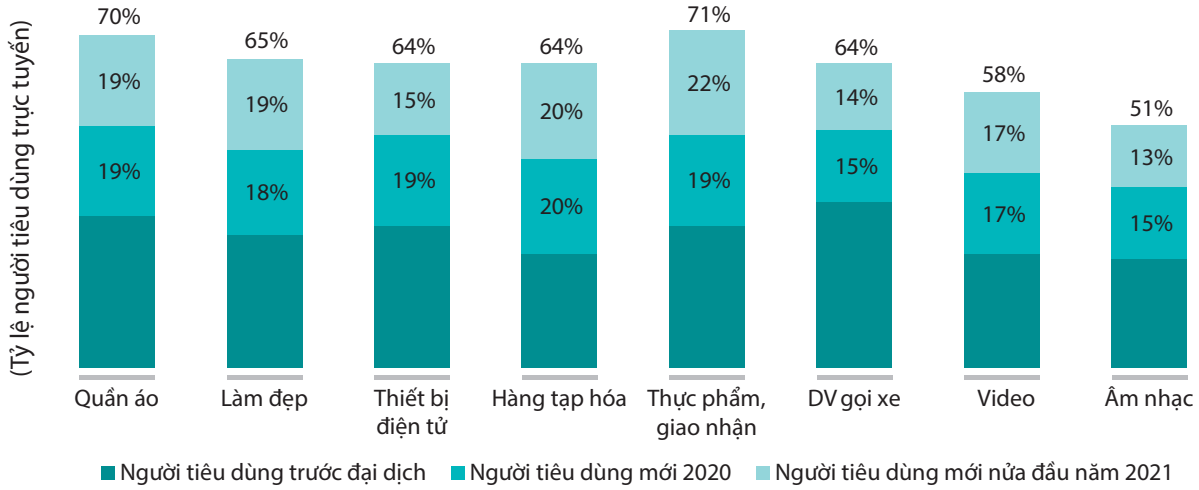

Nguồn: Báo cáo "Đông Nam Á, ngôi nhà cho sự chuyển đổi kỹ thuật số" của Facebook và Bain & Company

[14] *Cuộc khảo sát được thực hiện vào tháng 5/2021 với 16.706 người trả lời từ các quốc gia khu vực Đông Nam Á.*

1.6. Tỷ lệ người tiêu dùng trực tuyến mới trong năm 2020 duy trì mua sắm trực tuyến vào năm 2021

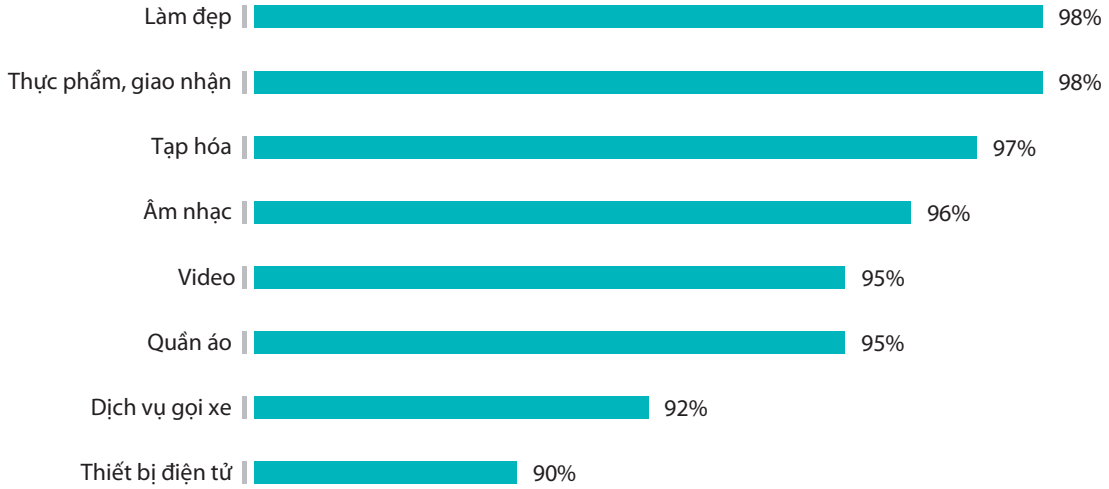

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

1.7. Lý do người tiêu dùng trực tuyến tiếp tục mua sắm trực tuyến năm 2021

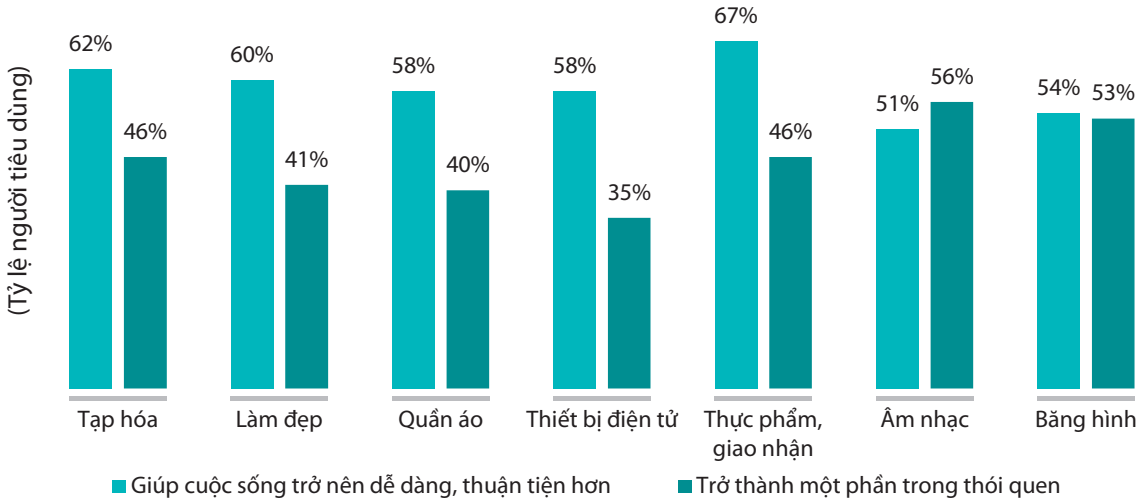

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

1.8. Giá trị mua sắm trực tuyến trung bình của người tiêu dùng trực tuyến [15]

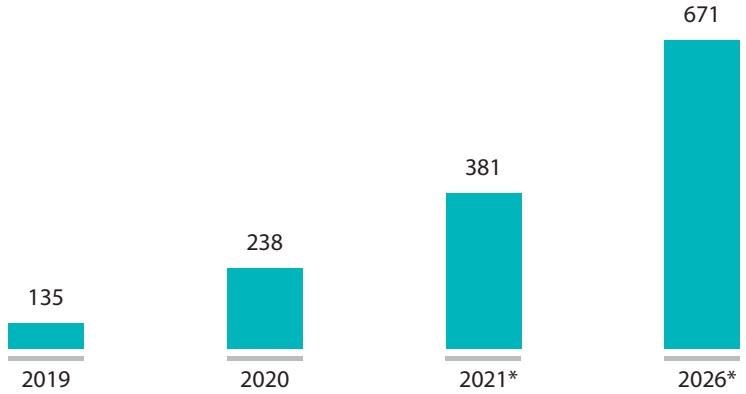

** Số liệu dự báo*

Đơn vị: USD/người

Nguồn: Báo cáo "Đông Nam Á, ngôi nhà cho sự chuyển đổi kỹ thuật số" của Facebook và Bain & Company

1.9. Xu hướng chi tiêu của người tiêu dùng sau đại dịch

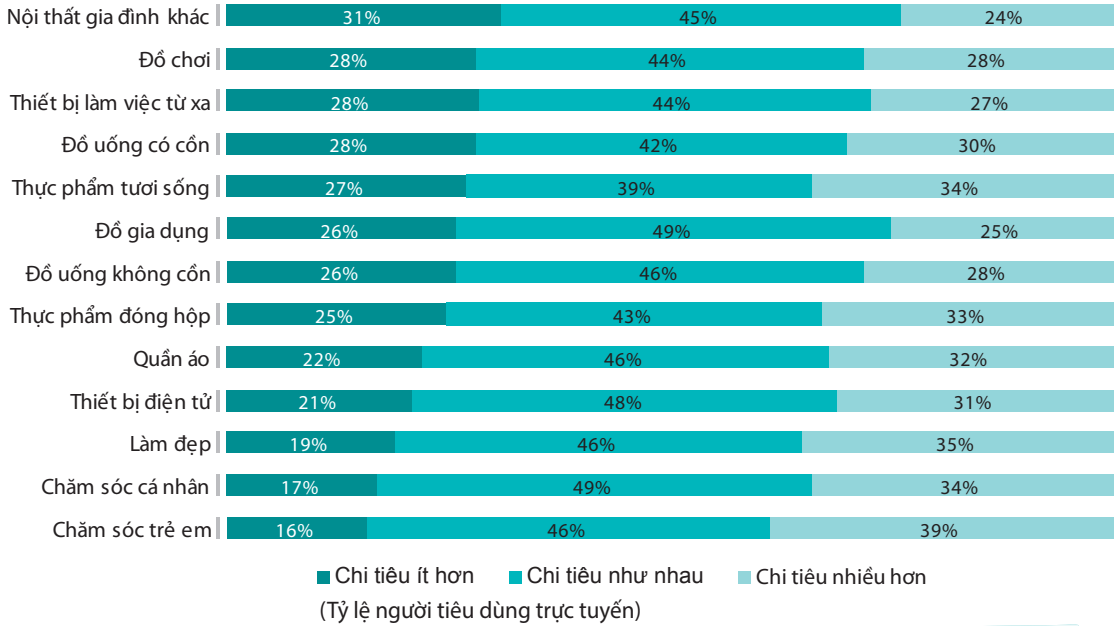

Nguồn: Báo cáo "Đông Nam Á, ngôi nhà cho sự chuyển đổi kỹ thuật số" của Facebook và Bain & Company

[15] *Giá trị mua sắm trực tuyến bao gồm B2B2C và B2C bán các sản phẩm thông qua các kênh trực tuyến, không bao gồm các sản phẩm kỹ thuật số và thương mại xã hội.*

2. Quy mô nền kinh tế Internet khu vực Đông Nam Á [16]

2.1. Khu vực Đông Nam Á

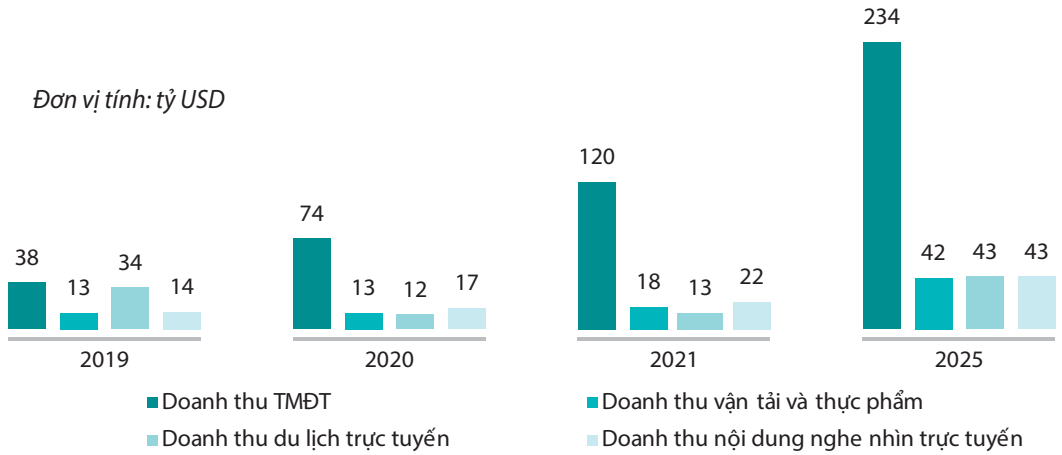

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.2. Indonesia

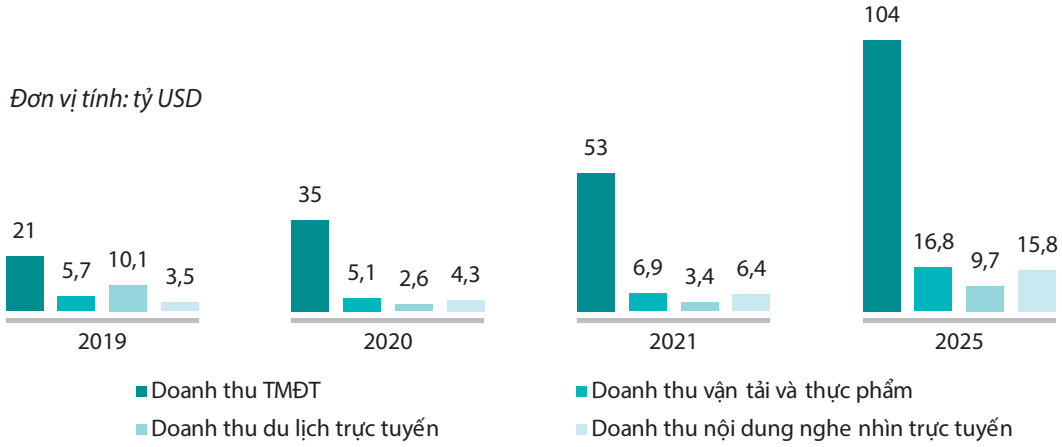

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

[16] *Doanh thu nền kinh tế Internet tại phần này bao gồm: doanh thu TMĐT, doanh thu vận tải và thực phẩm, doanh thu du lịch trực tuyến và doanh thu nội dung nghe nhìn trực tuyến.*

2.3. Philippines

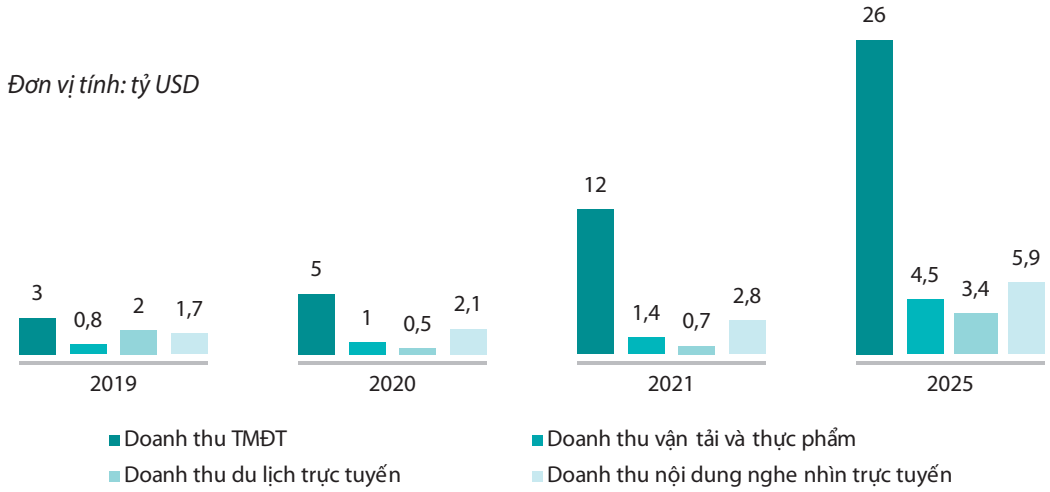

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.4. Thái Lan

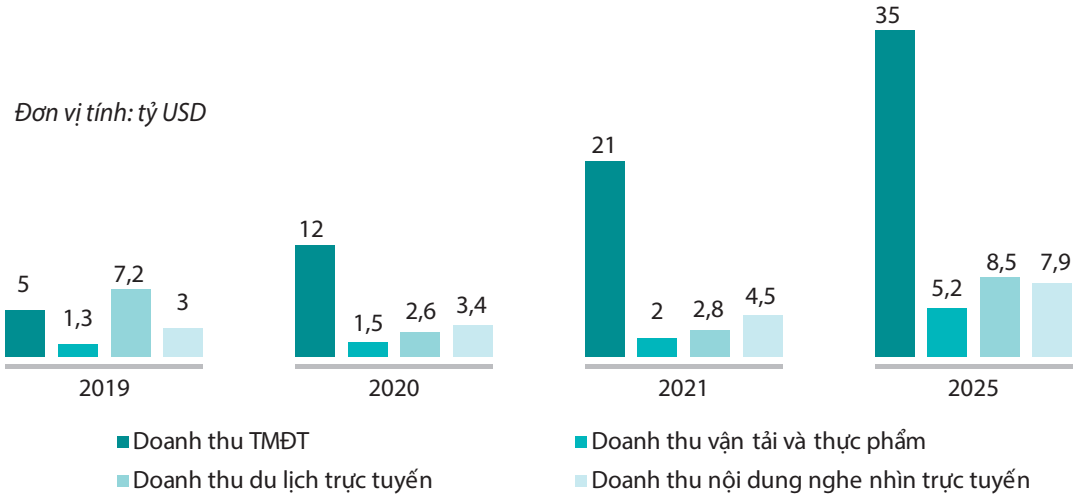

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.5. Malaysia

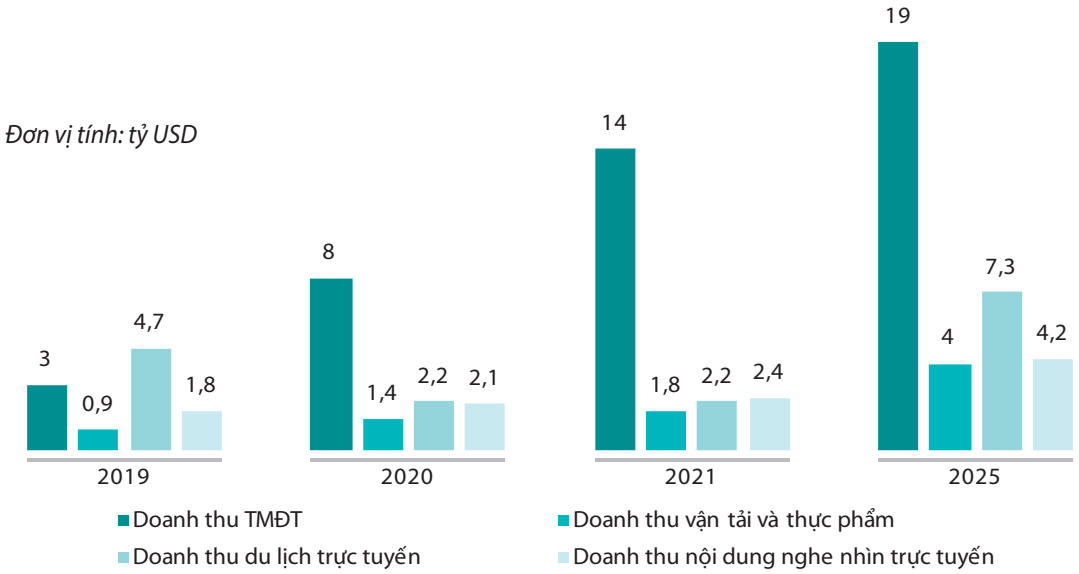

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.6. Singapore

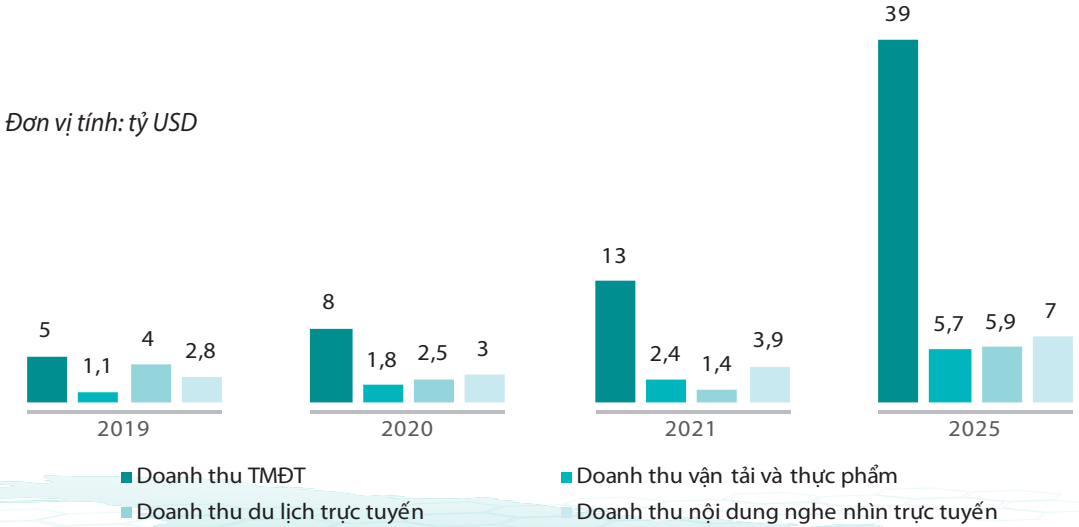

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.7. Việt Nam

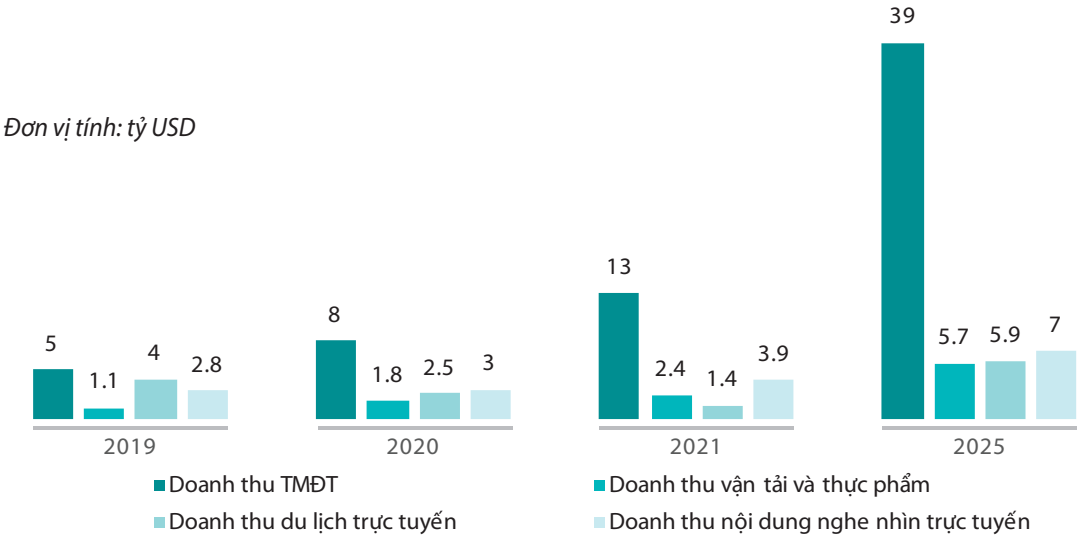

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

2.8. Doanh thu kinh tế Internet giai đoạn 2021 – 2025

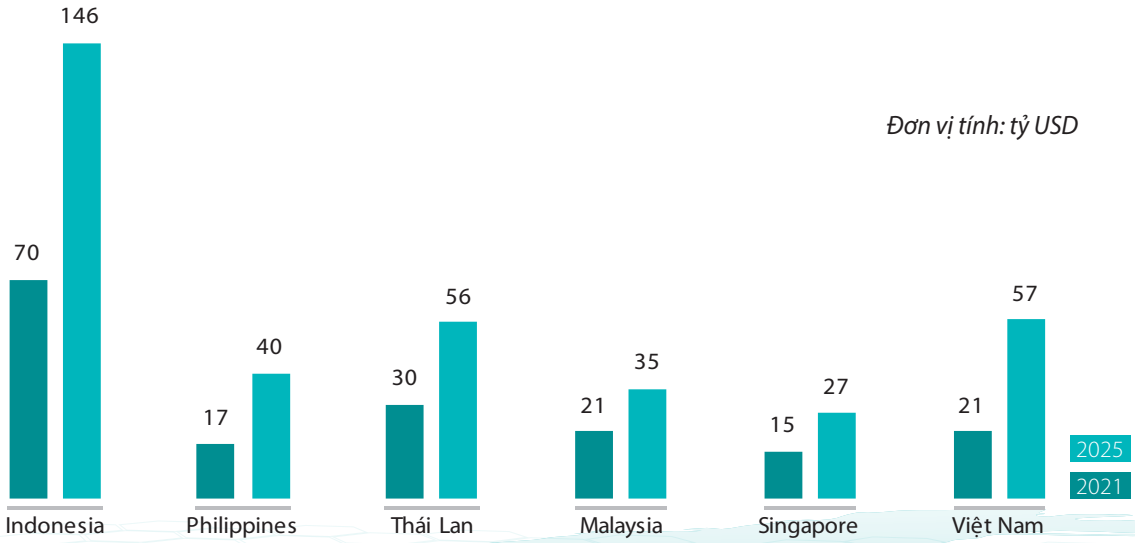

Nguồn: Báo cáo "Kinh tế khu vực Đông Nam Á năm 2021" của Google, Temasek và Bain & Company

CHƯƠNG III

NGƯỜI TIÊU DÙNG THAM GIA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BÁN LẺ TẠI VIỆT NAM

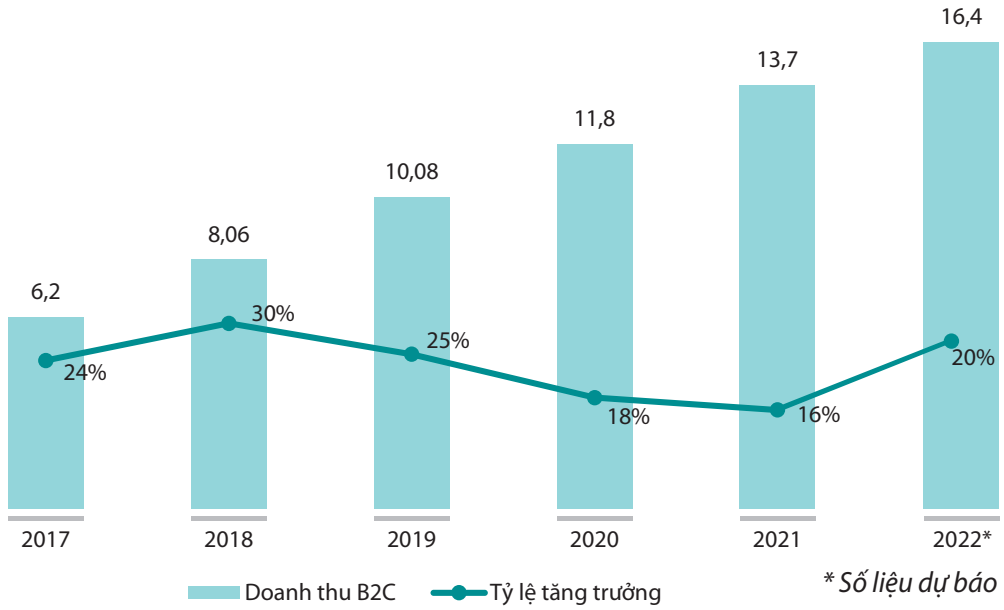

Doanh thu TMĐT B2C Việt Nam năm 2017 – 2022 (tỷ USD) [17]

	2017	2018	2019	2020	2021	Dự báo 2022
Ước tính số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến (triệu người)	33,6	39,9	44,8	49,3	54,6	57 - 60
Ước tính giá trị mua sắm trực tuyến của một người (USD)	186	202	225	240	251	260 - 285
Tỷ trọng doanh thu TMĐT B2C so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước	3,6%	4,2%	4,9%	5,5%	7%	7,2%-7,8%
Tỷ lệ người dân sử dụng Internet	58,1%	60%	66%	70%	73%	75%

[17] *Doanh thu TMĐT B2C Việt Nam bao gồm doanh thu tất cả hàng hóa, dịch vụ bán qua kênh TMĐT (loại trừ các giao dịch liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, trò chơi trực tuyến).*

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHẢO SÁT CỘNG ĐỒNG NGƯỜI TIÊU DÙNG [18]

1. Độ tuổi người tham gia khảo sát

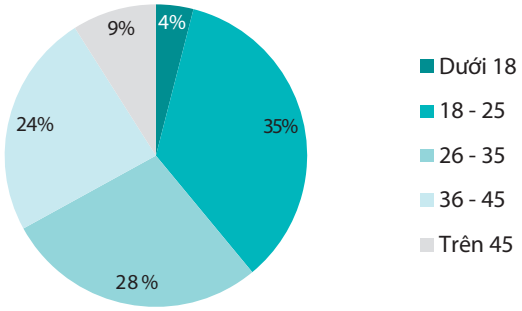

2. Nhóm nghề nghiệp của người tham gia khảo sát

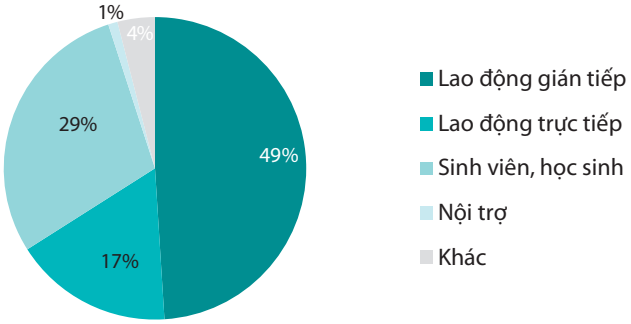

[18] *Số liệu được tổng hợp từ kết quả khảo sát 4.584 cá nhân trên phạm vi toàn quốc.*

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG INTERNET

1. Phương tiện truy cập internet của người dân

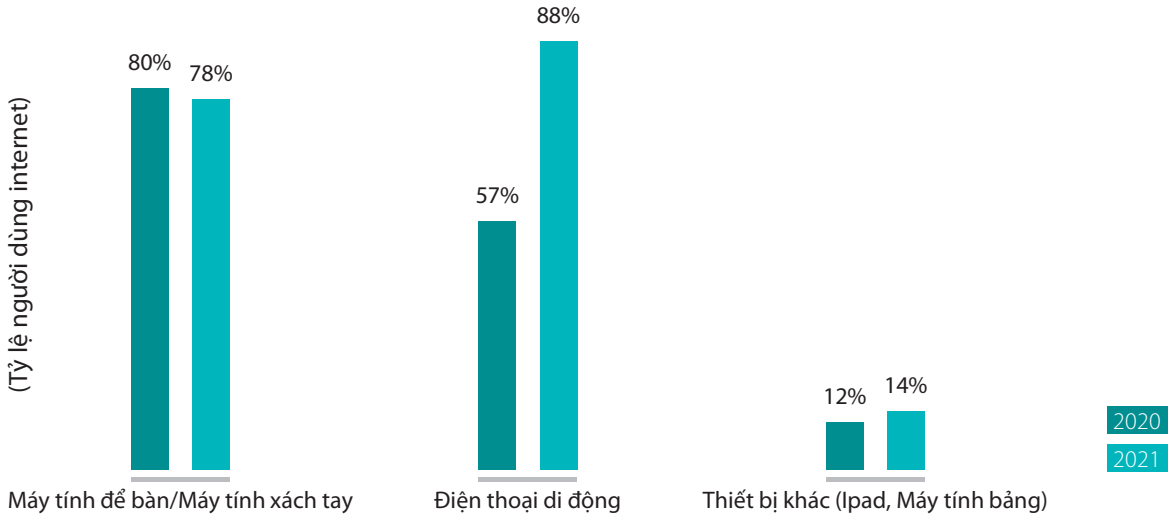

2. Thời lượng truy cập internet trung bình mỗi ngày

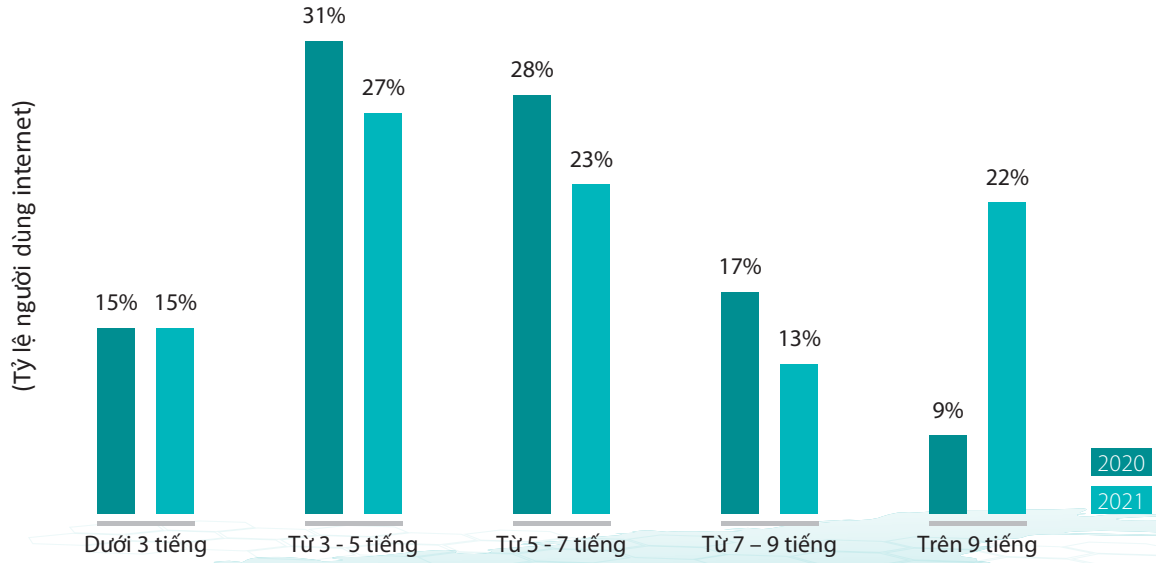

3. Mục đích sử dụng internet

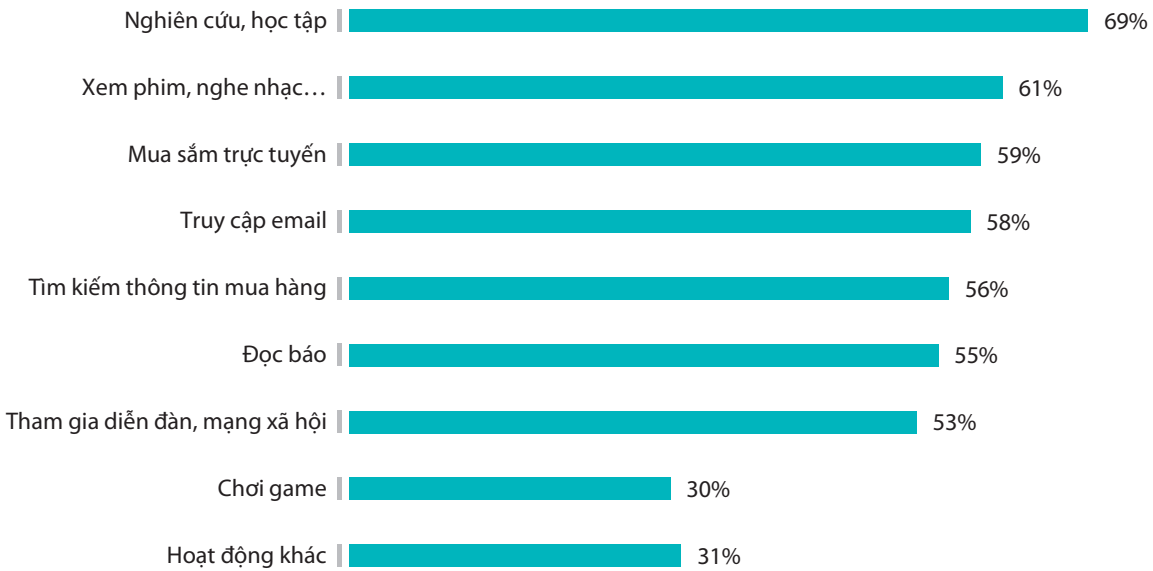

IV. TÌNH HÌNH THAM GIA MUA SẮM TRỰC TUYẾN

1. Tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến

74,8%

2. Cách thức tìm kiếm thông tin khi mua hàng trực tuyến

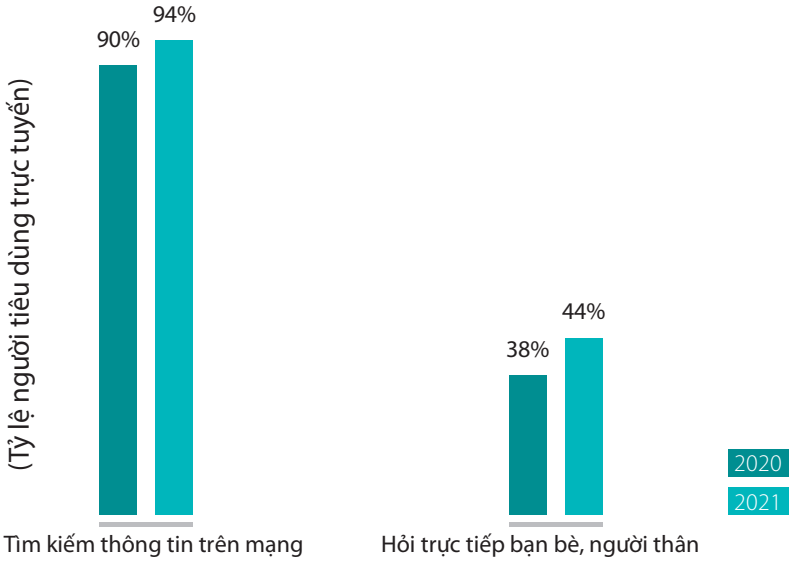

3. Phương tiện điện tử thường được sử dụng để đặt hàng trực tuyến

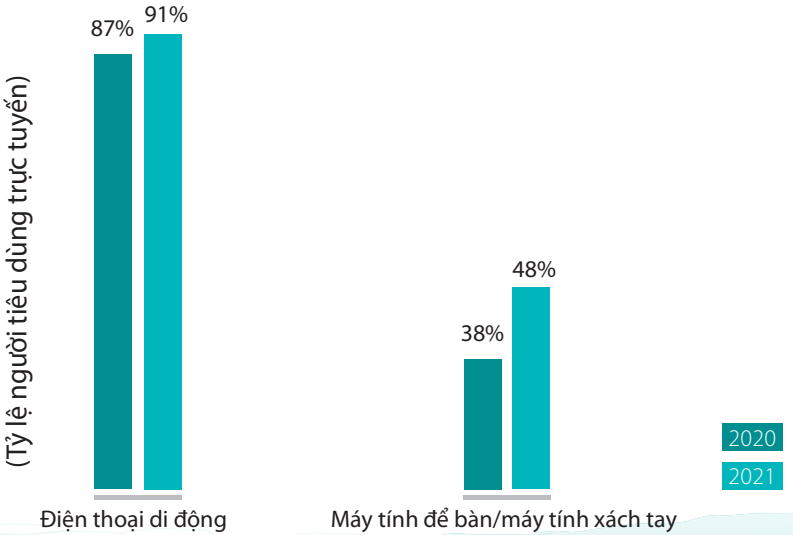

4. Loại hàng hóa, dịch vụ thường được mua trên mạng

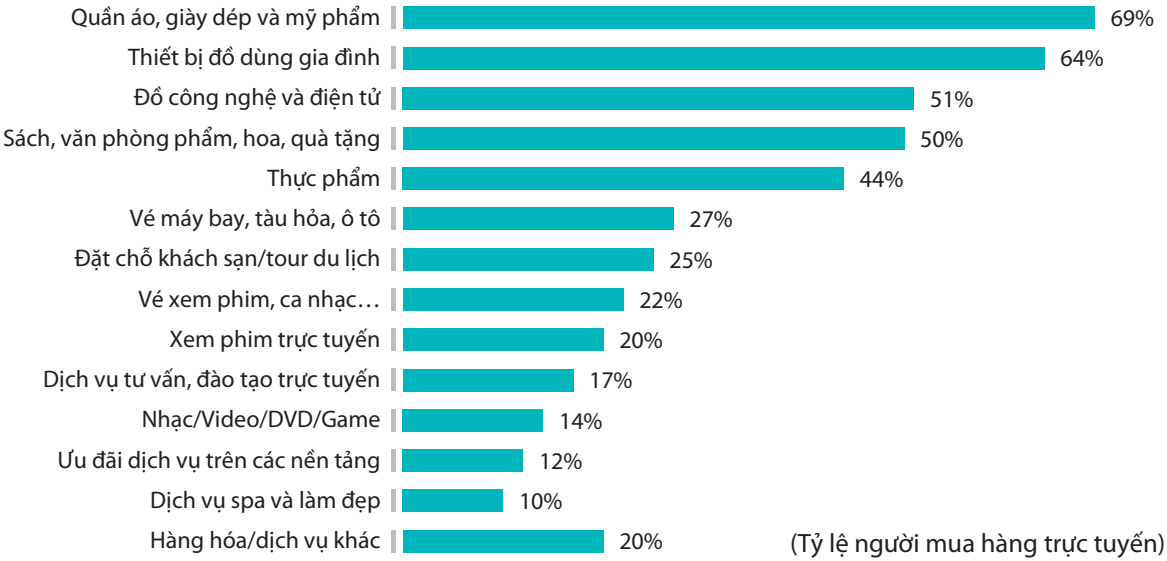

5. Các kênh mua sắm trực tuyến

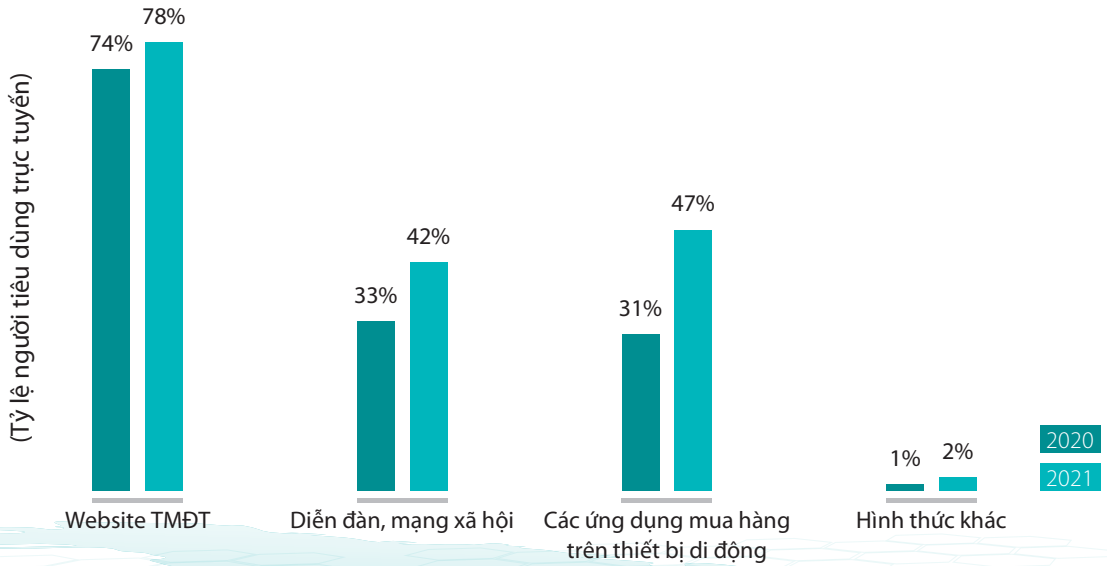

6. Hình thức thanh toán được ưu tiên lựa chọn

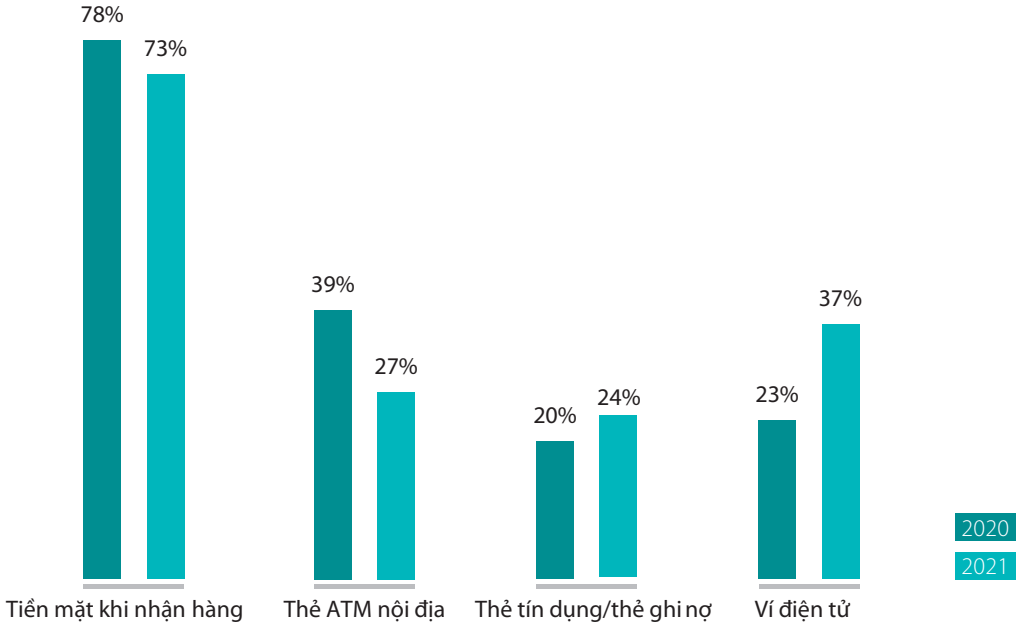

Tỷ lệ người dùng muốn trải nghiệm Mobile Money

81%

7. Số lượng hàng hóa/ dịch vụ mua sắm trực tuyến trung bình của một người trong năm

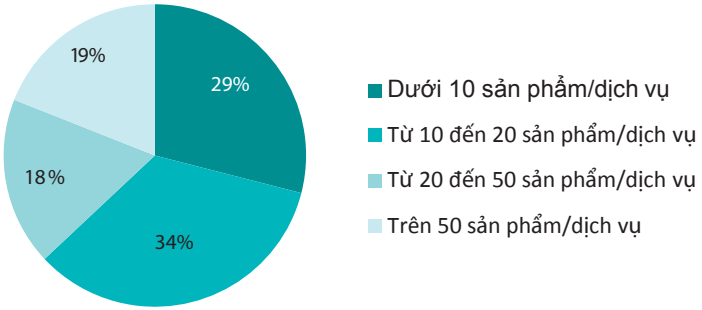

8. Giá trị hàng hóa mua sắm trực tuyến của một người trong năm

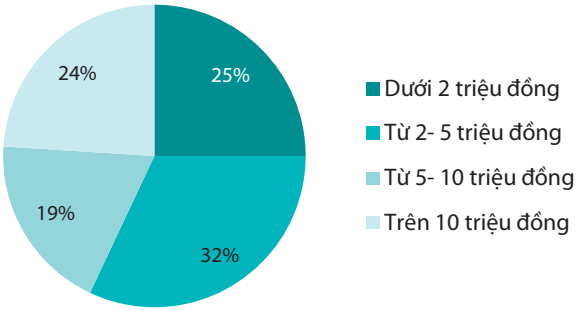

9. Người tiêu dùng mua hàng qua các website nước ngoài

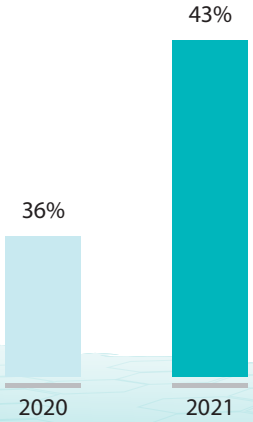

10. Các hình thức mua hàng từ website nước ngoài

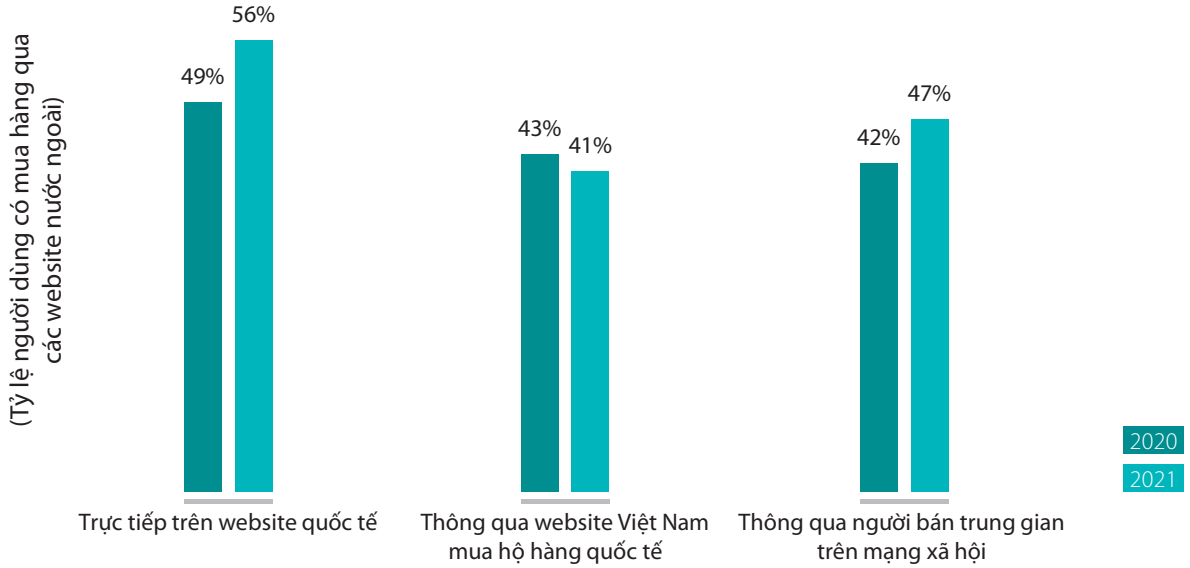

11. Người tiêu dùng mua hàng của người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT Việt Nam

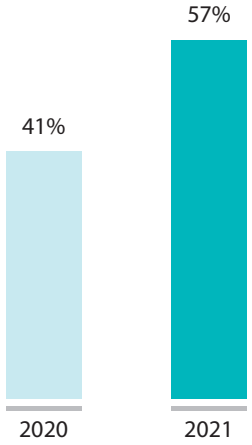

12. Lý do người tiêu dùng lựa chọn mua hàng của người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT tại Việt Nam

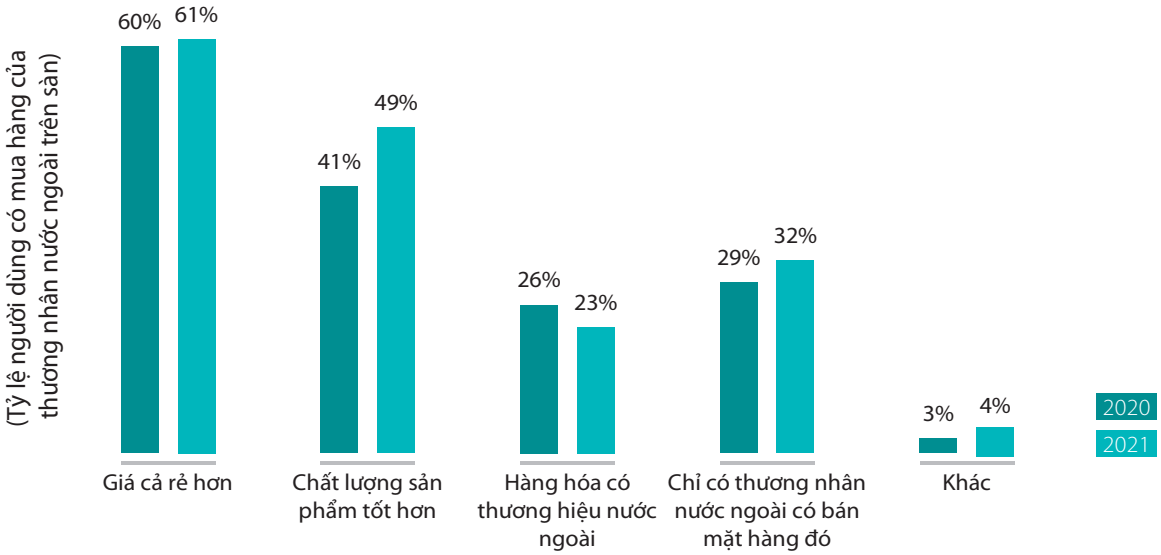

V. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VỀ HOẠT ĐỘNG MUA SẮM TRỰC TUYẾN

1. Mức độ hài lòng của người tiêu dùng

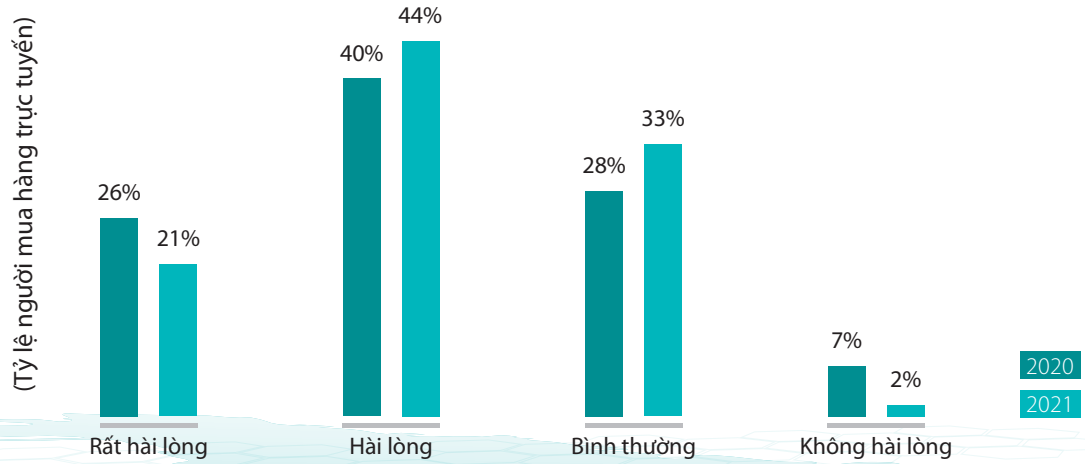

2. Tiêu chí người tiêu dùng quan tâm khi mua sắm trực tuyến

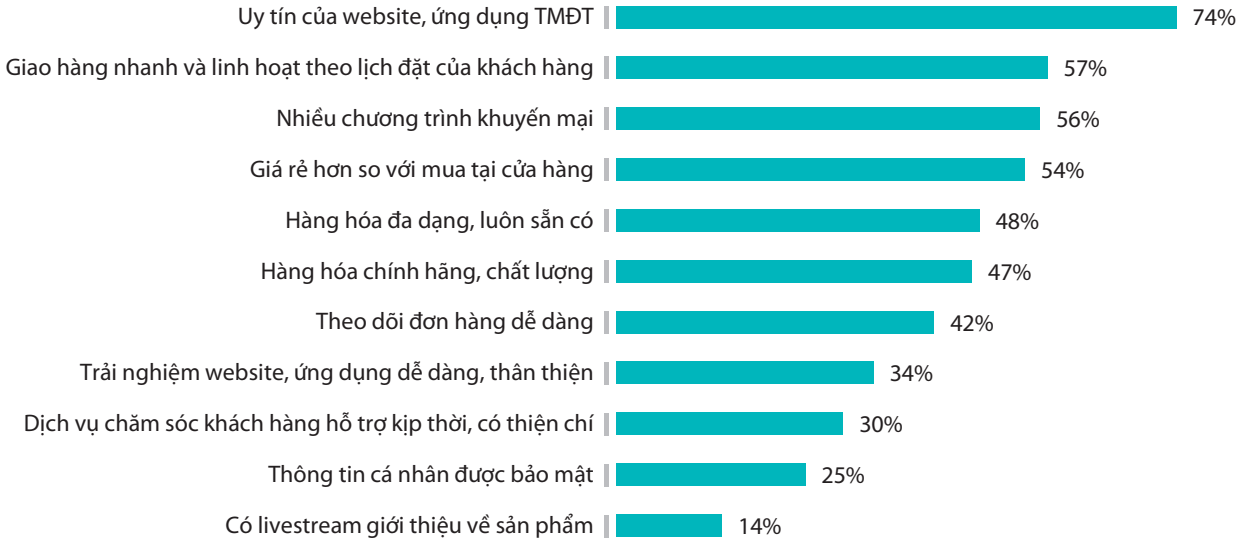

(Tỷ lệ người tiêu dùng mua hàng trực tuyến)

3. Người tiêu dùng sẽ tiếp tục mua hàng trực tuyến

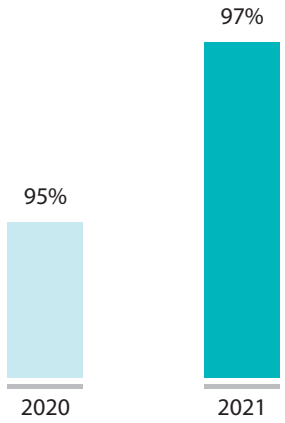

VI. TRỞ NGẠI KHI MUA HÀNG TRỰC TUYẾN

1. Các trở ngại khi mua hàng trực tuyến

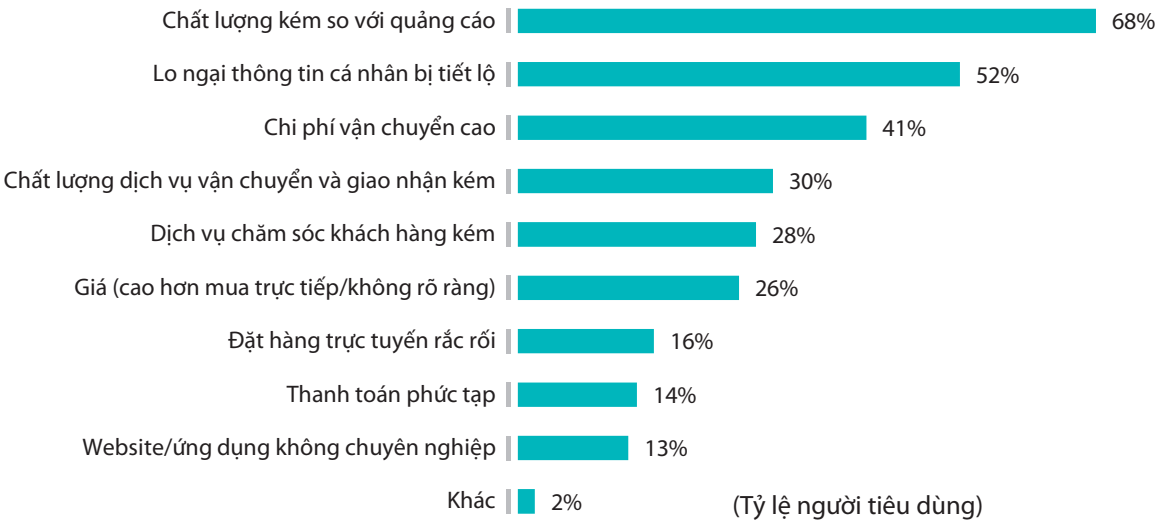

2. Lý do chưa mua sắm trực tuyến

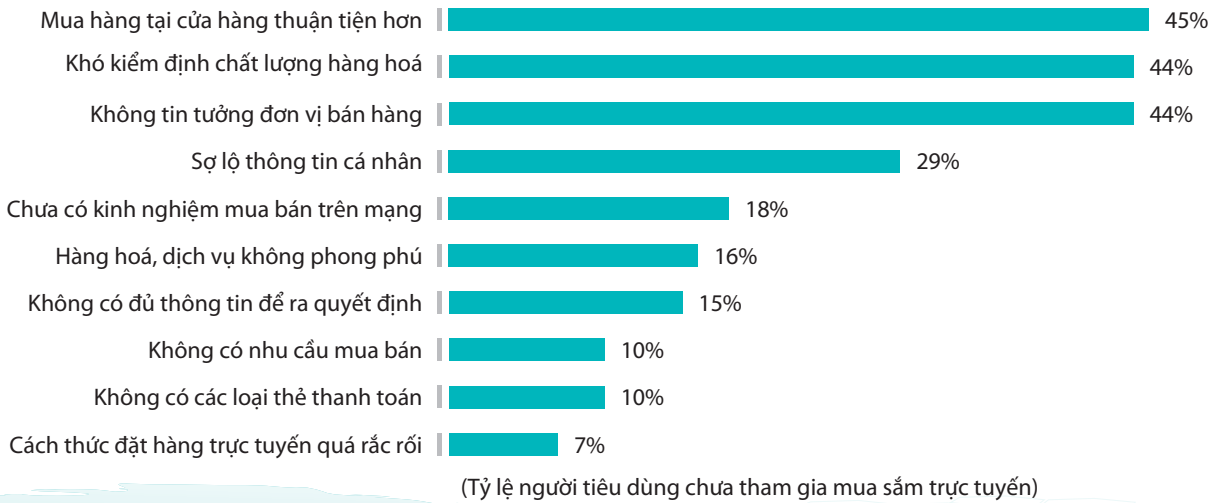

CHƯƠNG IV

TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRONG DOANH NGHIỆP

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT [19]

1. Loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát

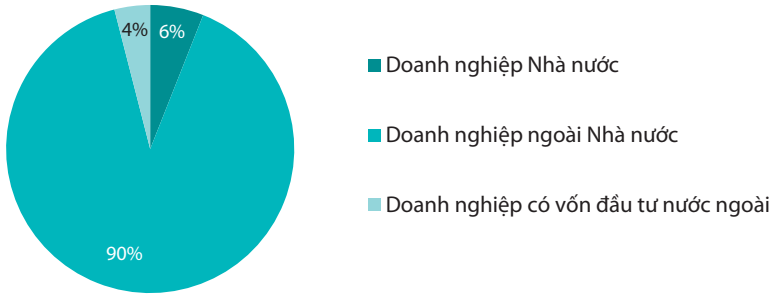

2. Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp

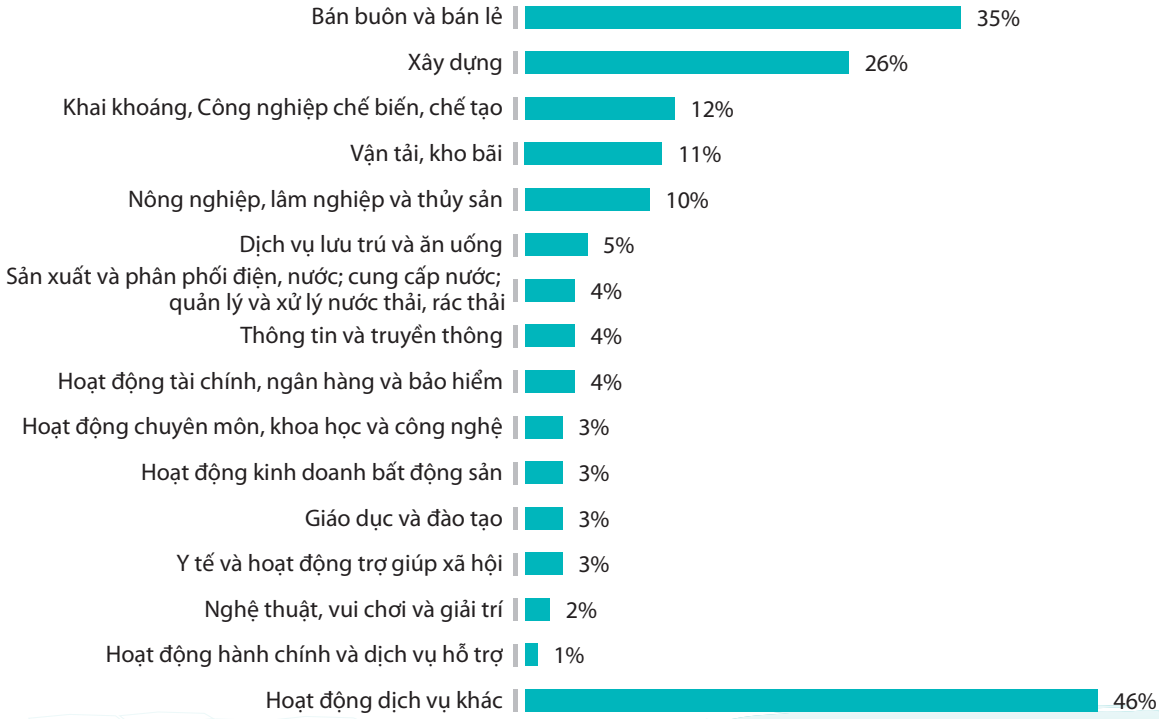

[19] *Số liệu trong chương này được tổng hợp từ kết quả khảo sát 6.219 doanh nghiệp. Hình thức khảo sát là điền phiếu trực tiếp.*

3. Quy mô của doanh nghiệp tham gia khảo sát

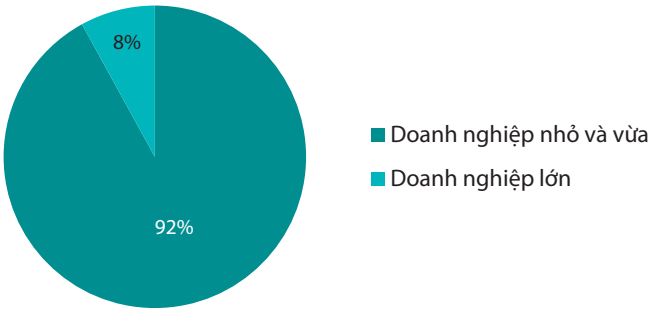

II. MỨC ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG DỤNG TMĐT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hạ tầng công nghệ thông tin

1.1. Các phần mềm phổ biến được doanh nghiệp sử dụng

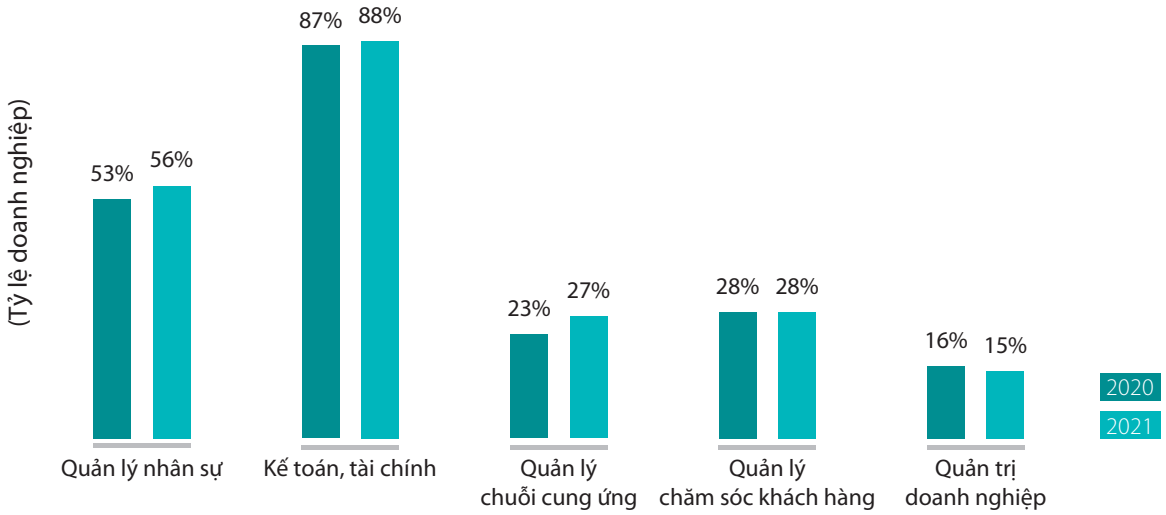

1.2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ quan trọng của việc đầu tư vào hạ tầng CNTT và TMĐT

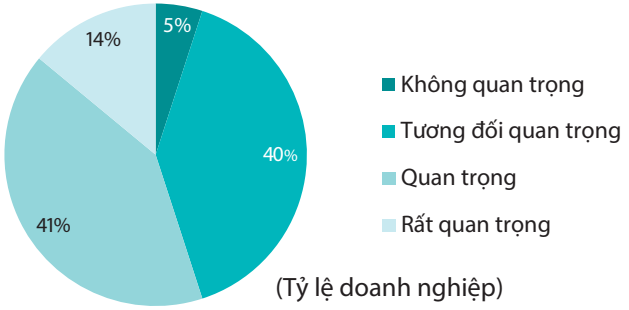

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

1.3. Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả của việc đầu tư vào hạ tầng CNTT và TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

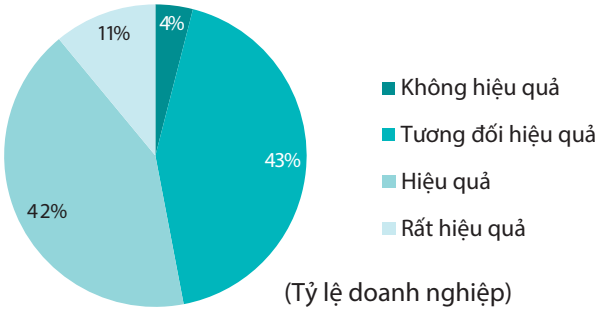

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

1.4. Tình hình sử dụng các ứng dụng OTT như Viber, WhatsApp, Skype, Facebook Mesenger,… trong công việc của năm 2021

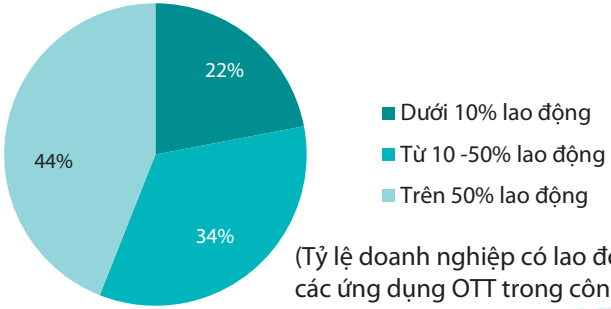

(Tỷ lệ doanh nghiệp có lao động sử dụng các ứng dụng OTT trong công việc)

2. Nguồn nhân lực cho thương mại điện tử

Doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng nhân sự được đào tạo về CNTT và TMĐT

3. Tình hình sử dụng chữ ký số, hợp đồng và hóa đơn điện tử

Doanh nghiệp có sử dụng chữ ký điện tử

Doanh nghiệp có sử dụng hóa đơn điện tử

Doanh nghiệp có sử dụng hợp đồng điện tử

III. DOANH NGHIỆP ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương mại điện tử trên nền tảng website

1.1. Doanh nghiệp sở hữu website

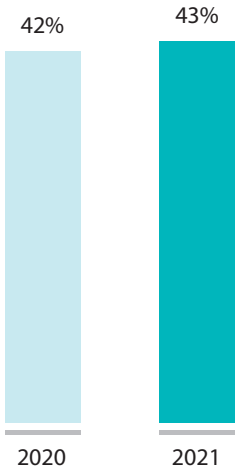

1.2. Doanh nghiệp xây dựng website

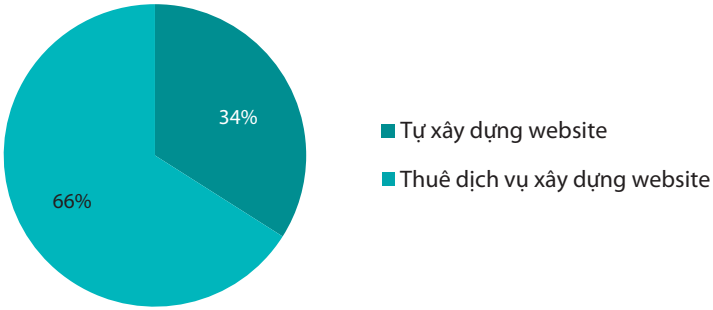

1.3. Mục đích xây dựng website của doanh nghiệp

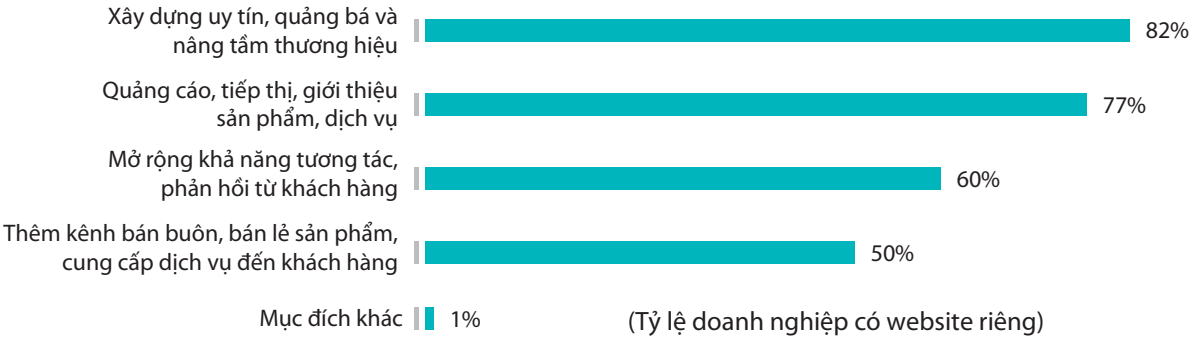

1.4. Hình thức phản hồi trực tuyến với khách hàng

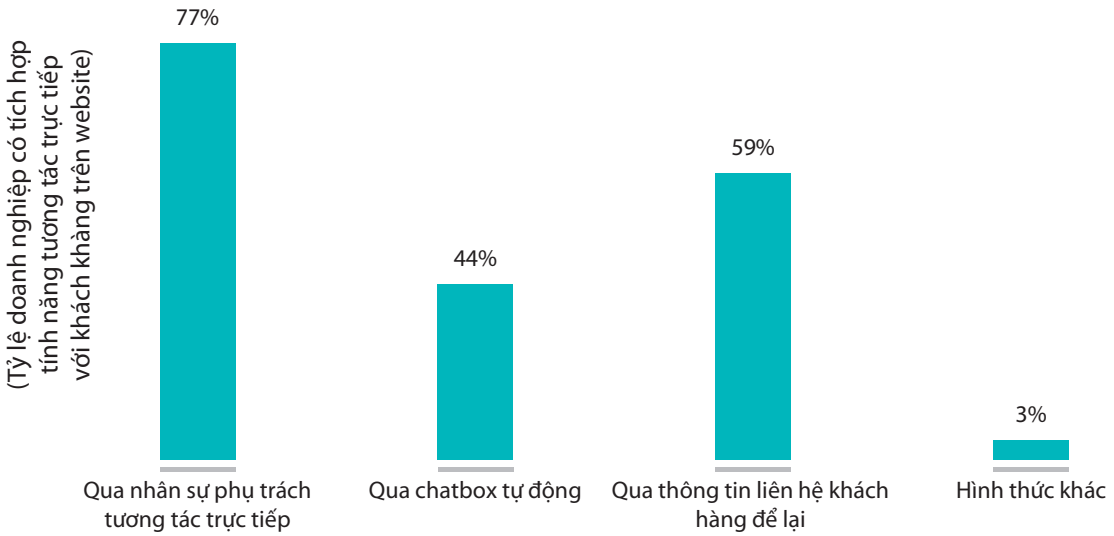

1.5. Doanh nghiệp tham gia kinh doanh trên sàn giao dịch TMĐT

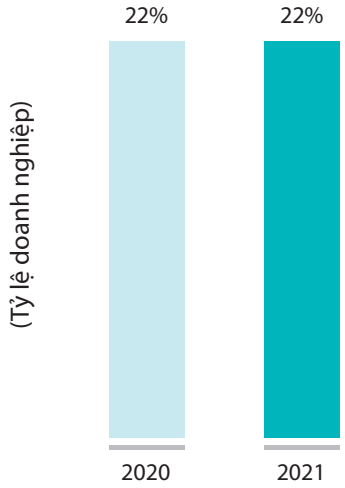

1.6. Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh trên mạng xã hội (Facebook, Zalo, Instagram,…)

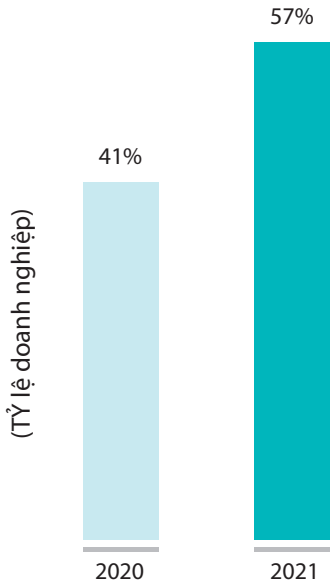

2. Thương mại điện tử trên nền tảng di động

2.1. Doanh nghiệp có website phiên bản di động và ứng dụng di động

16%

Doanh nghiệp có website phiên bản di động

Doanh nghiệp sở hữu ứng dụng di động 17%

2.2. Doanh nghiệp thiết lập website, phiên bản di động/ ứng dụng di động

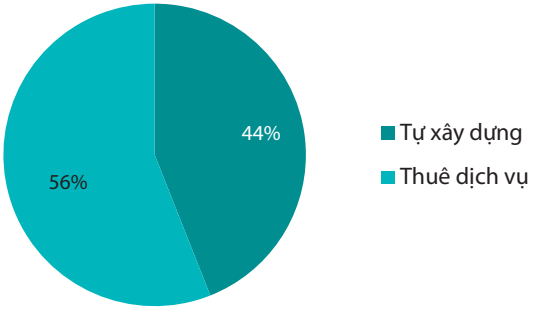

2.3. Thời gian trung bình lưu lại của khách hàng khi truy cập vào website TMĐT phiên bản di động/ ứng dụng bán hàng của doanh nghiệp

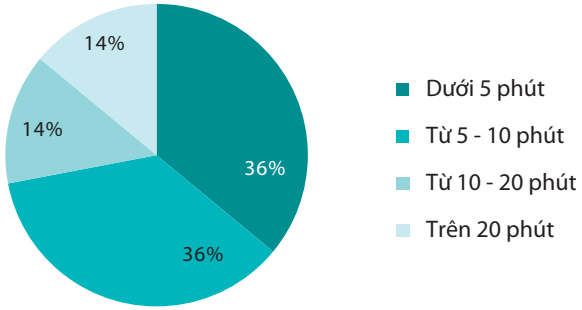

83% Doanh nghiệp cho phép người mua thực hiện toàn bộ quá trình mua sắm trên thiết bị di động

88% Doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động

48% Doanh nghiệp triển khai chương trình khuyến mãi dành riêng cho khách hàng mua sắm trên ứng dụng di động

IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ/ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

1. Quảng cáo website/ ứng dụng TMĐT

1.1. Hình thức quảng cáo cho website/ ứng dụng TMĐT của doanh nghiệp

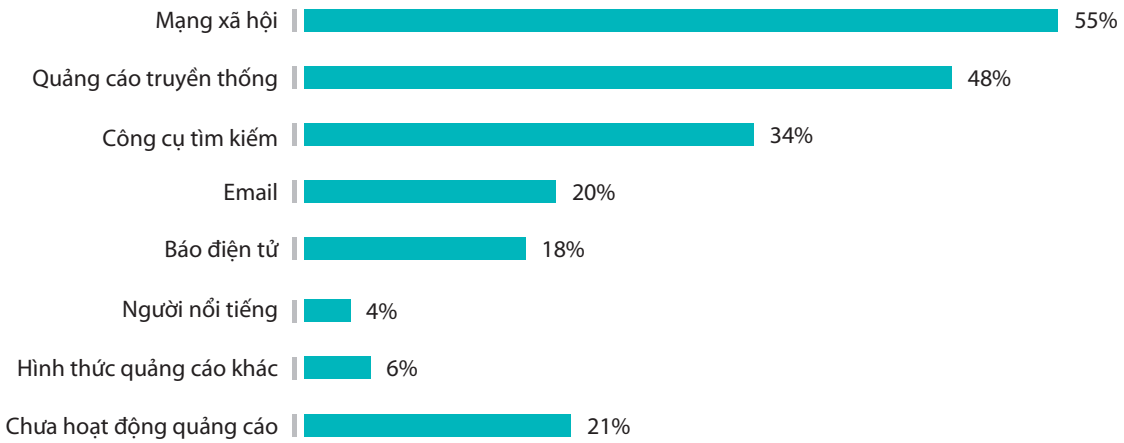

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

1.2. Ước tính chi phí quảng cáo cho website/ ứng dụng TMĐT trong cả năm

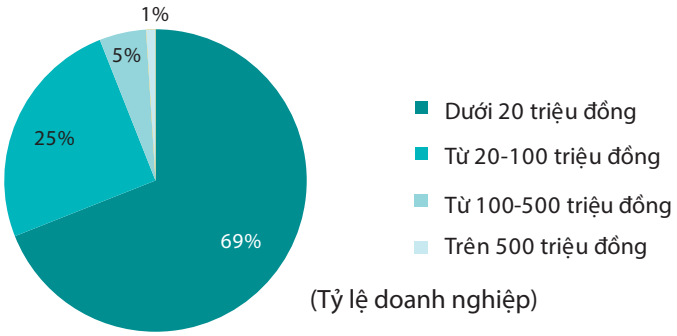

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

2. Tình hình vận hành website/ ứng dụng di động

2.1. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ hiệu quả của các hình thức bán hàng

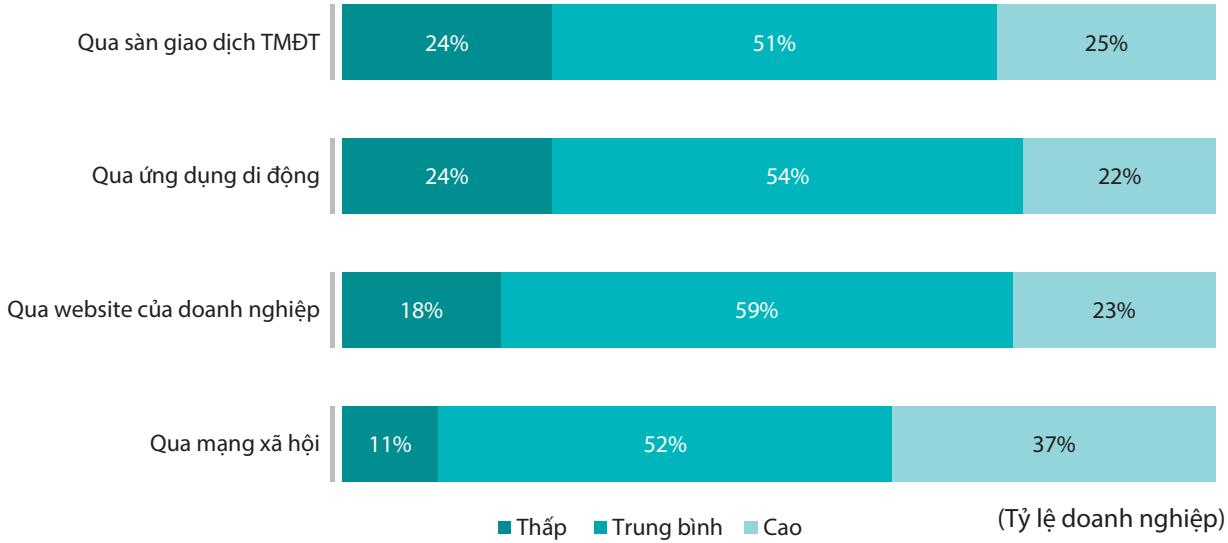

2.2. Đánh giá của doanh nghiệp về mức độ quan trọng của TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

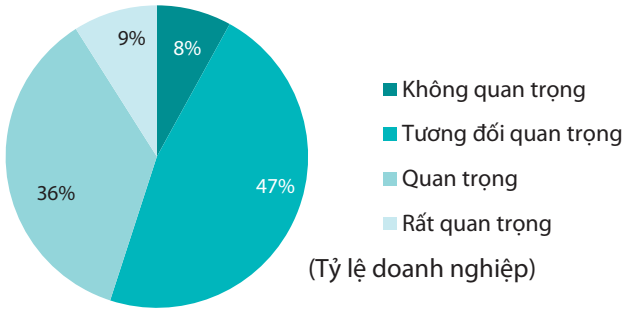

2.3. Ngôn ngữ hiển thị trên website/ ứng dụng TMĐT của doanh nghiệp

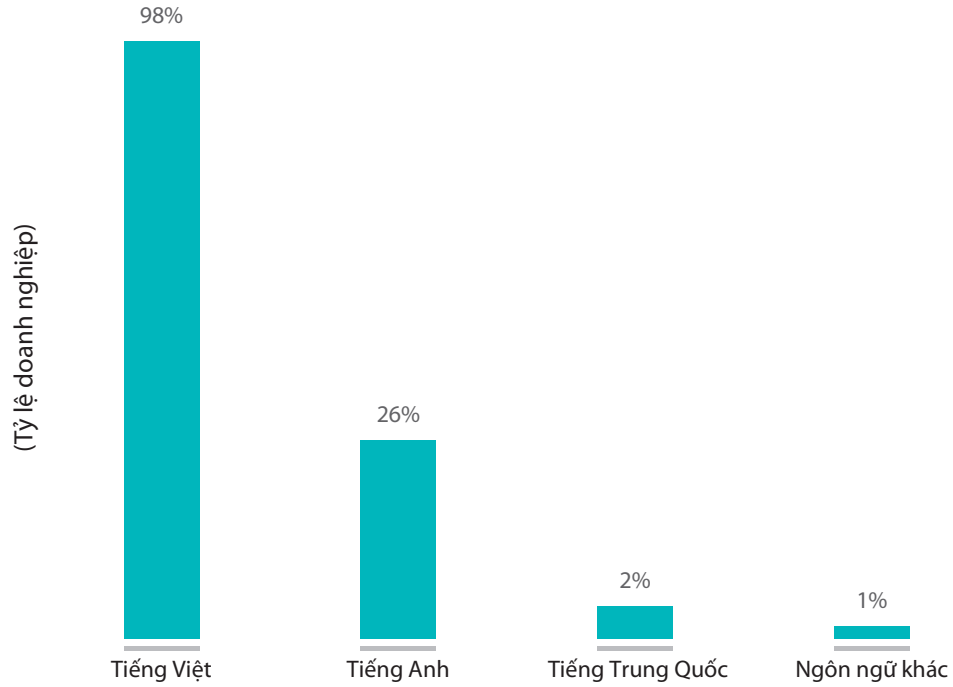

2.4. Xuất nhập khẩu thông qua TMĐT

82%

Doanh nghiệp có sử dụng website/ứng dụng TMĐT phục vụ cho mục đích xuất, nhập khẩu

2.5. Đánh giá mức độ hiệu quả của doanh nghiệp về xuất nhập khẩu qua TMĐT

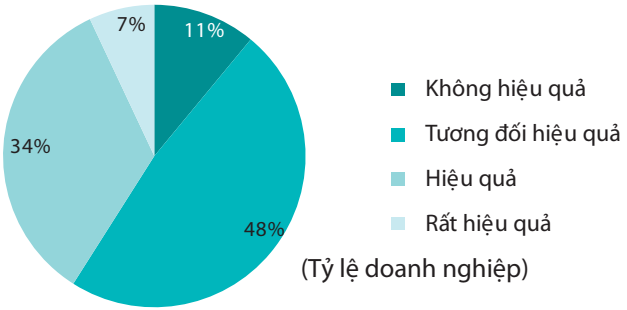

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

V. CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Phương thức vận chuyển hàng hóa mà doanh nghiệp sử dụng

69% Tự vận chuyển

Sử dụng dịch vụ của bên thứ ba **59%**

2% Phương thức khác

2. Tỷ lệ của chi phí hoàn tất đơn hàng và giao hàng chặng cuối so với doanh thu từ hoạt động TMĐT của doanh nghiệp

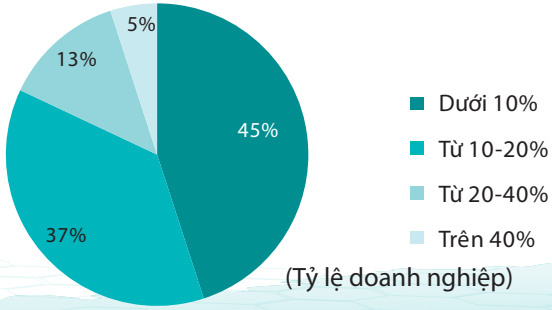

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

3. Phương thức thanh toán mà doanh nghiệp sử dụng

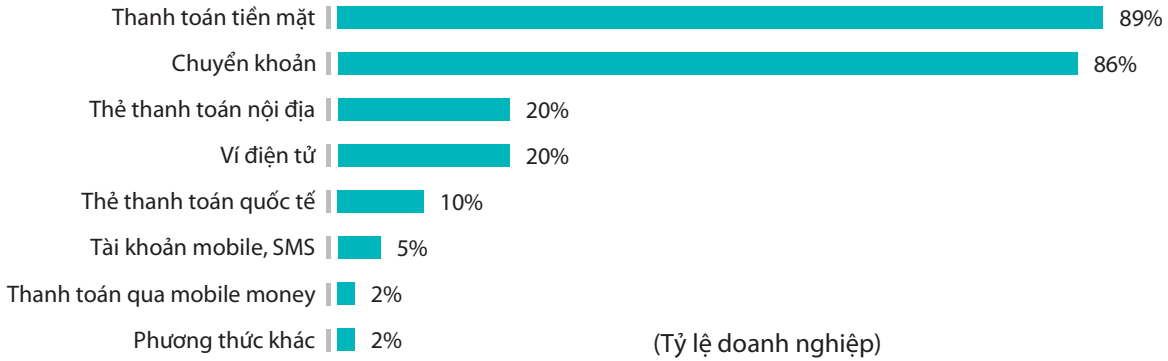

(Tỷ lệ doanh nghiệp)

4. Tỷ lệ doanh nghiệp có tích hợp tính năng tương tác trực tuyến

Doanh nghiệp có tích hợp Facebook, Zalo,… trên website của mình

VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tỷ lệ doanh nghiệp có tra cứu thông tin trên website của cơ quan nhà nước

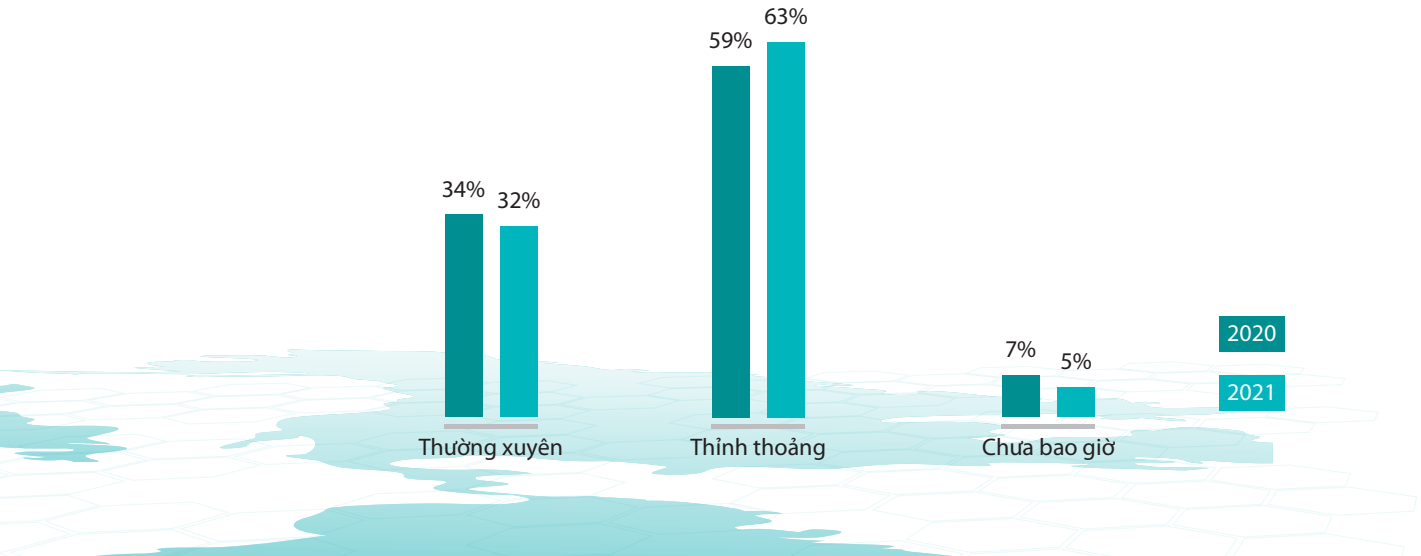

2. Các loại dịch vụ công trực tuyến doanh nghiệp đã sử dụng

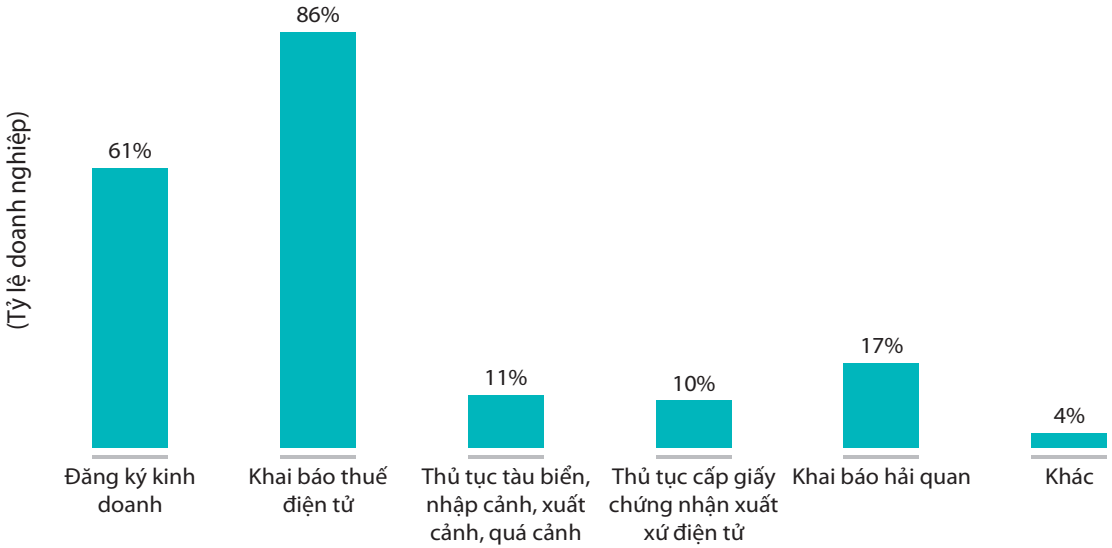

3. Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên website của cơ quan nhà nước

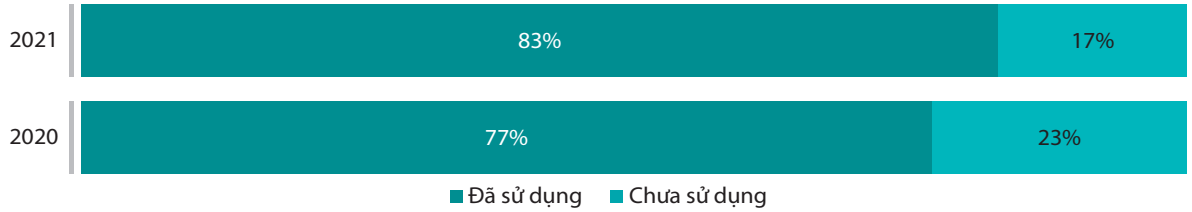

4. Đánh giá của doanh nghiệp về lợi ích của dịch vụ công trực tuyến

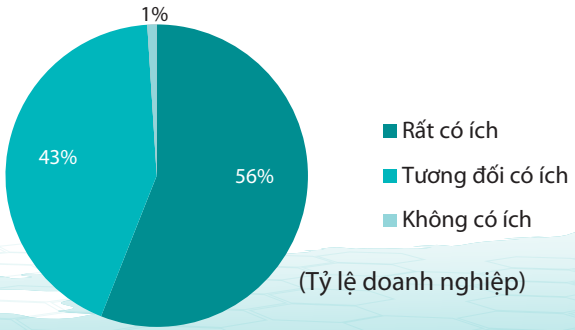

CHƯƠNG V

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC WEBSITE, ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

I. THÔNG TIN CHUNG [20]

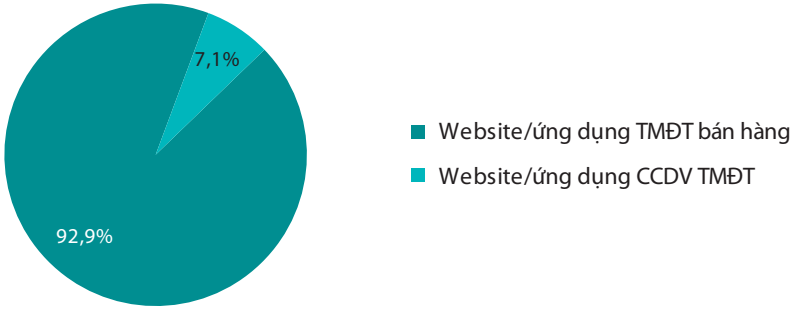

1. Website/ứng dụng TMĐT bán hàng

1.1. Mô hình hoạt động

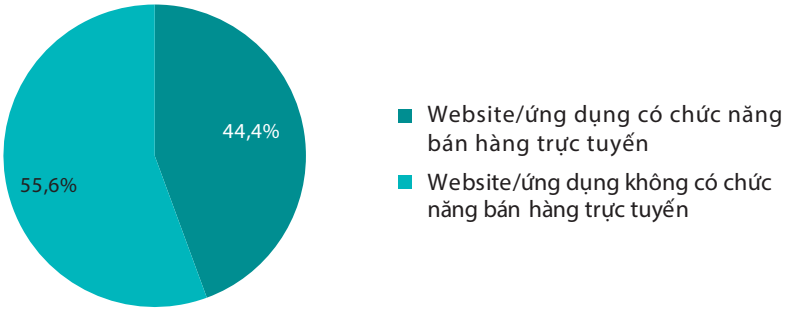

1.2. Phạm vi hoạt động

Hoạt động trong nước **96,7%**

9,2% Hoạt động quốc tế

[20] *Số liệu tổng hợp dựa trên báo cáo của 4.085 website, ứng dụng TMĐT đã xác nhận thông báo, đăng ký với Bộ Công Thương.*

1.3. Nguồn vốn đầu tư cho website/ứng dụng

Vốn doanh nghiệp	98,5%
Vốn nhà nước	0,2%
Vốn đầu tư nước ngoài	1,8%

1.4. Quy mô doanh nghiệp

Doanh nghiệp SMEs	90,9%
Doanh nghiệp lớn	9,1%

1.5. Cơ cấu nhân sự trong doanh nghiệp

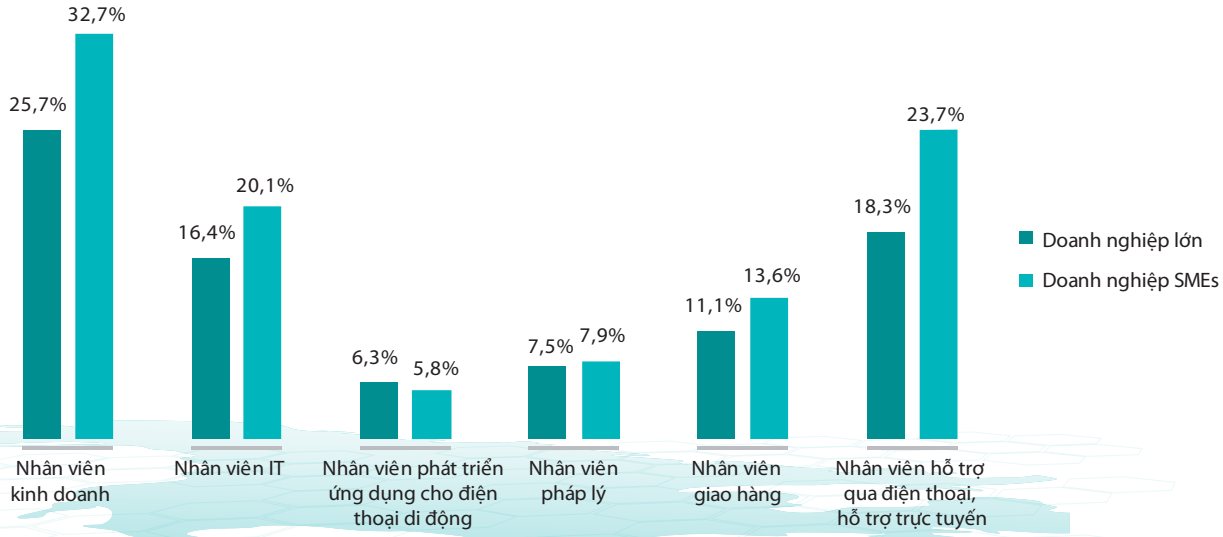

2. Website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

2.1. Mô hình hoạt động

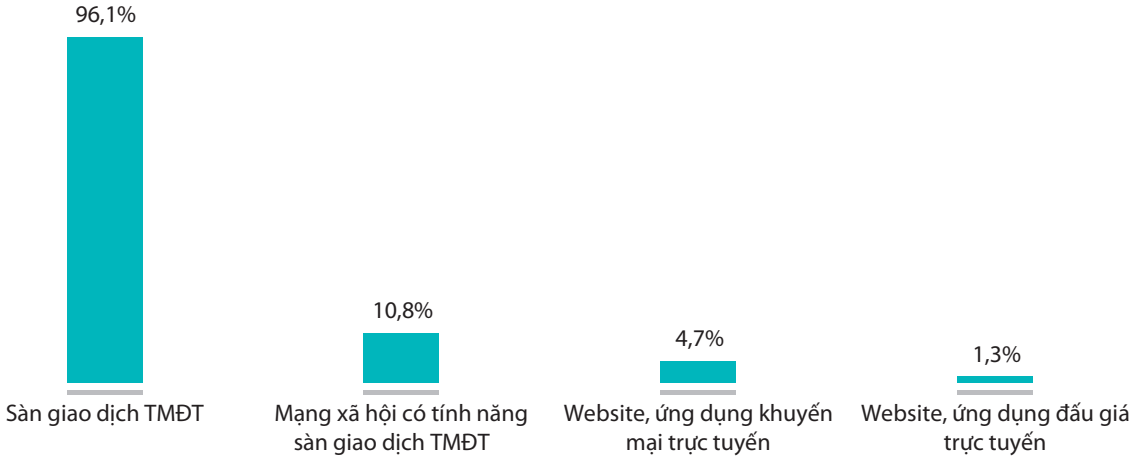

2.2. Phạm vi hoạt động

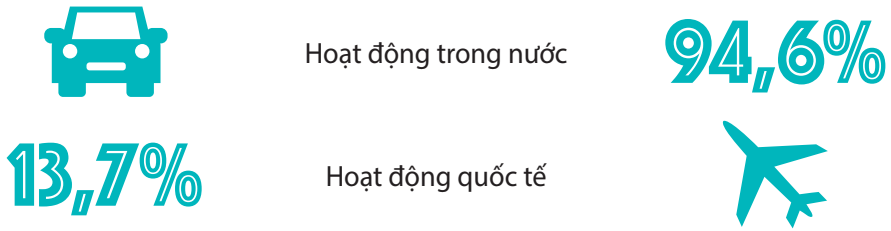

2.3. Nguồn vốn đầu tư cho website/ứng dụng

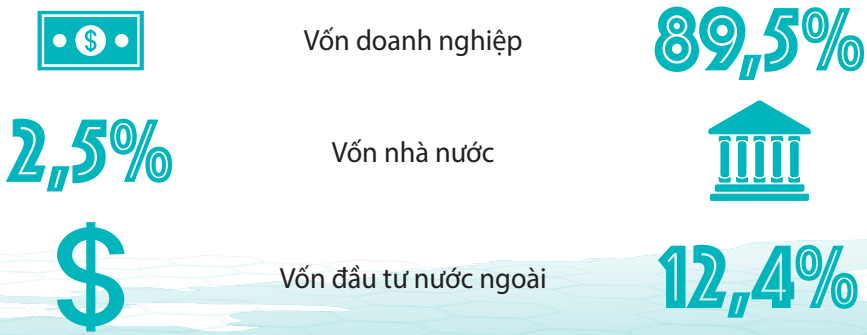

2.4. Quy mô doanh nghiệp

Doanh nghiệp SMEs **90,9%**

Doanh nghiệp lớn **9,1%**

2.5. Cơ cấu nhân sự trong doanh nghiệp

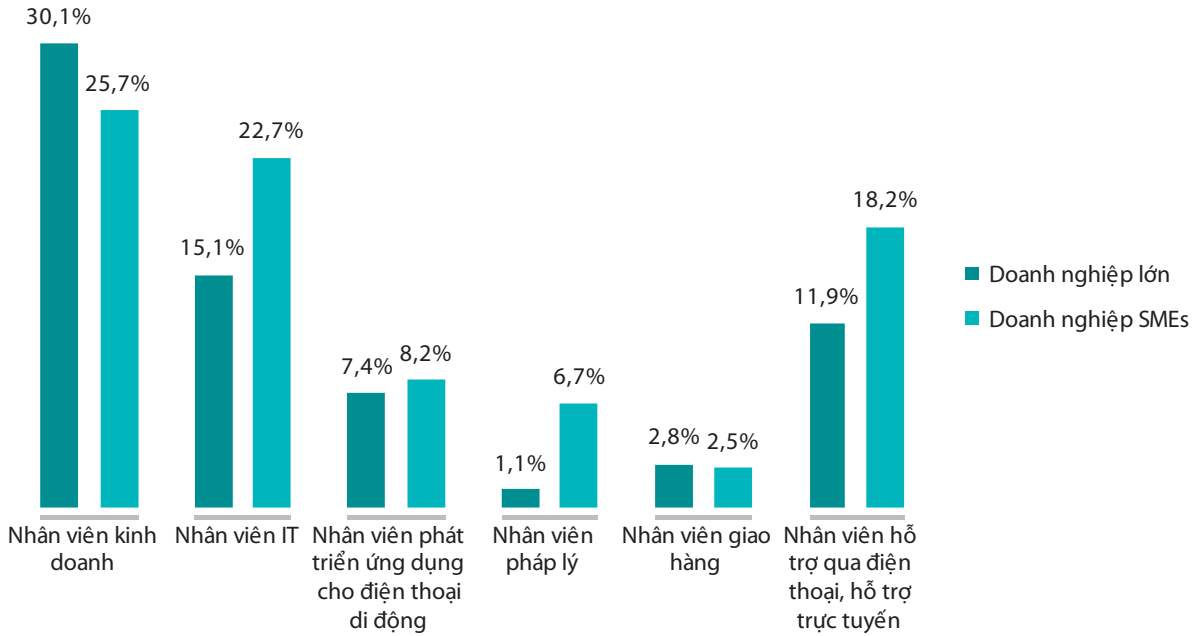

2.6. Lĩnh vực hoạt động chính của doanh nghiệp

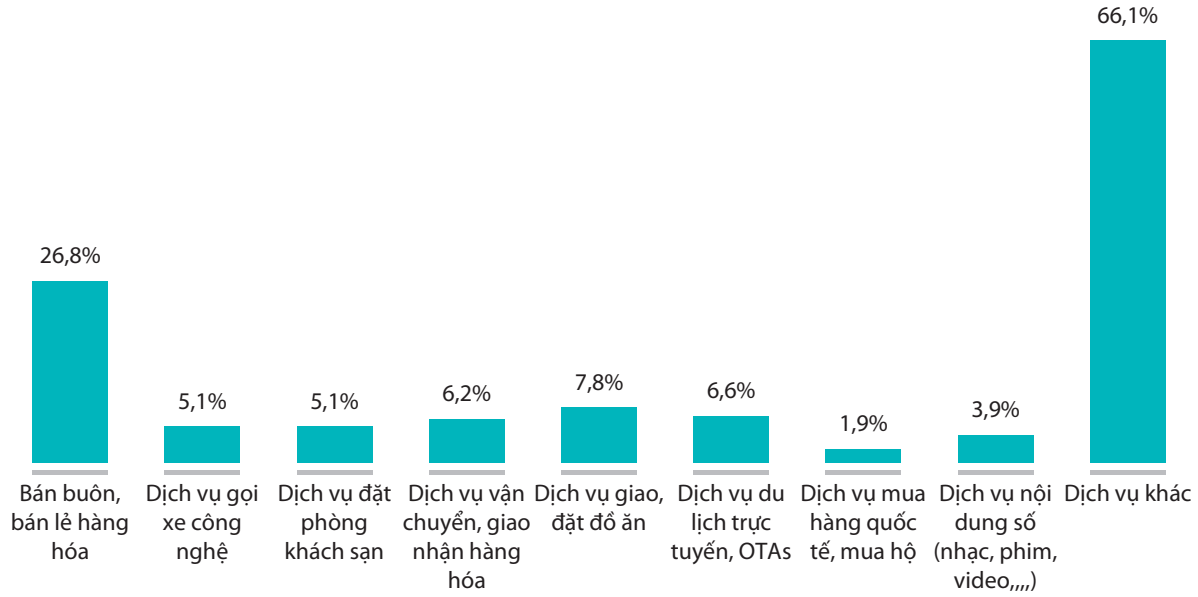

2.7. Trở ngại của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ đối với hàng hóa nhập khẩu quốc tế bằng hình thức TMĐT

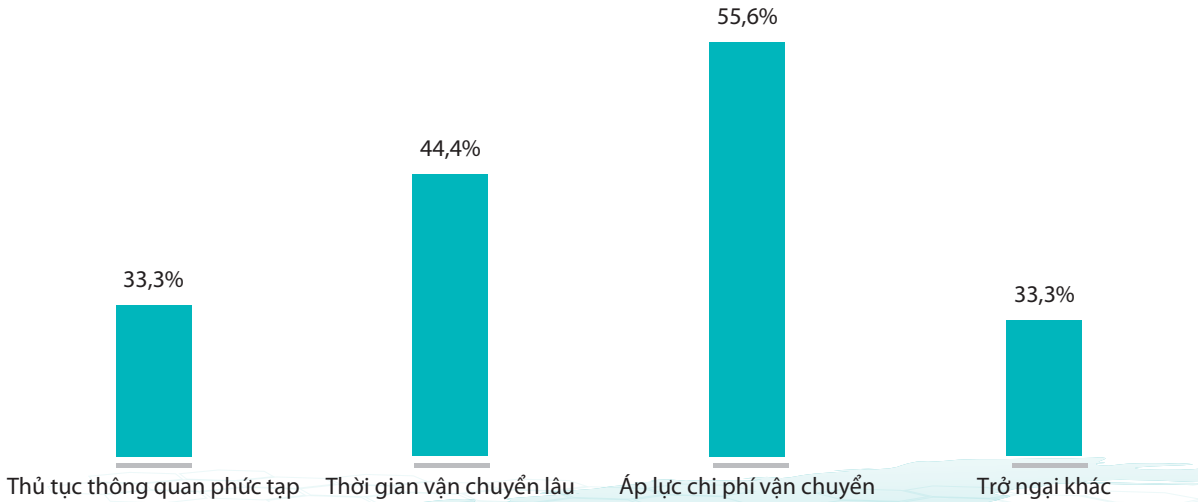

II. CÁC TIỆN ÍCH HỖ TRỢ TMĐT ĐƯỢC CUNG CẤP TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

1. Các tiện ích và công cụ hỗ trợ được cung cấp trên website, ứng dụng di động

1.1. Website, ứng dụng di động có yêu cầu người mua hàng đăng ký thành viên

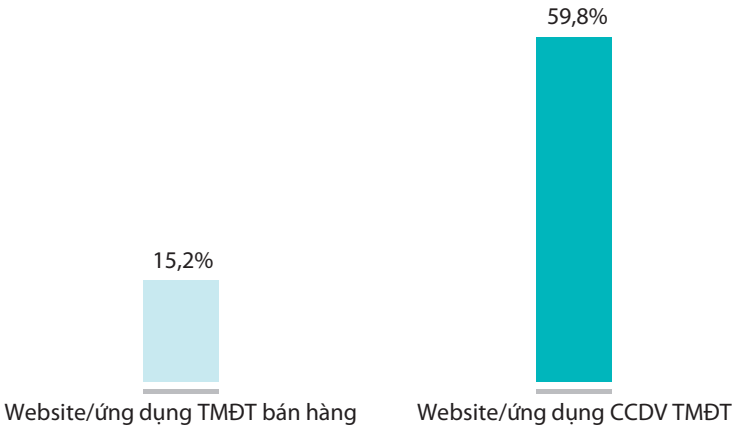

1.2. Tiện ích trên website, ứng dụng di động

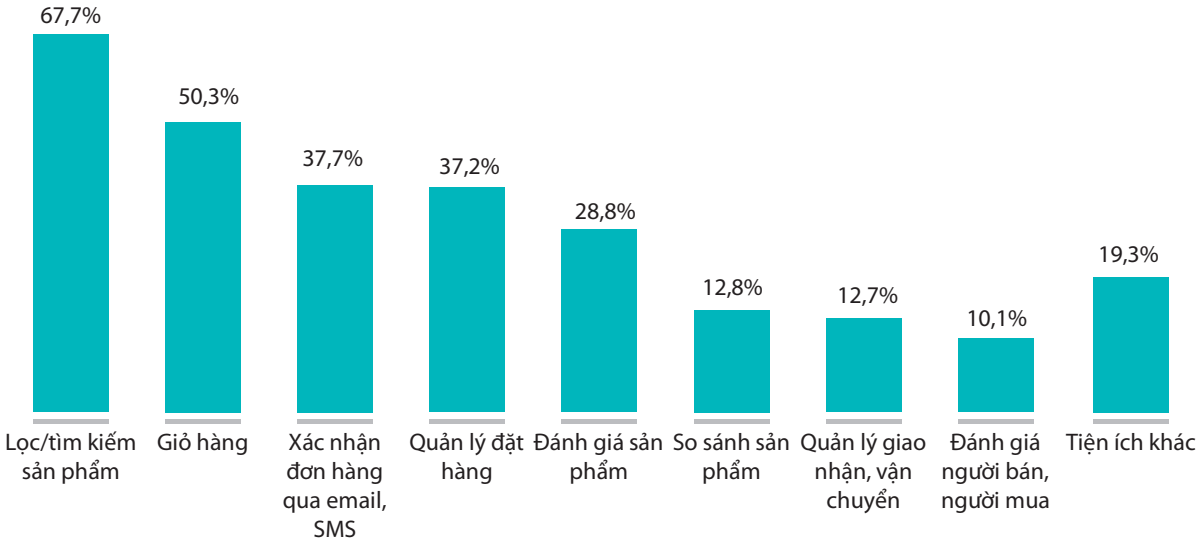

2. Mạng xã hội tích hợp trên website, ứng dụng di động

65,9% Website, ứng dụng di động có tích hợp mạng xã hội

Mạng xã hội được tích hợp phổ biến nhất trên website/ứng dụng TMĐT

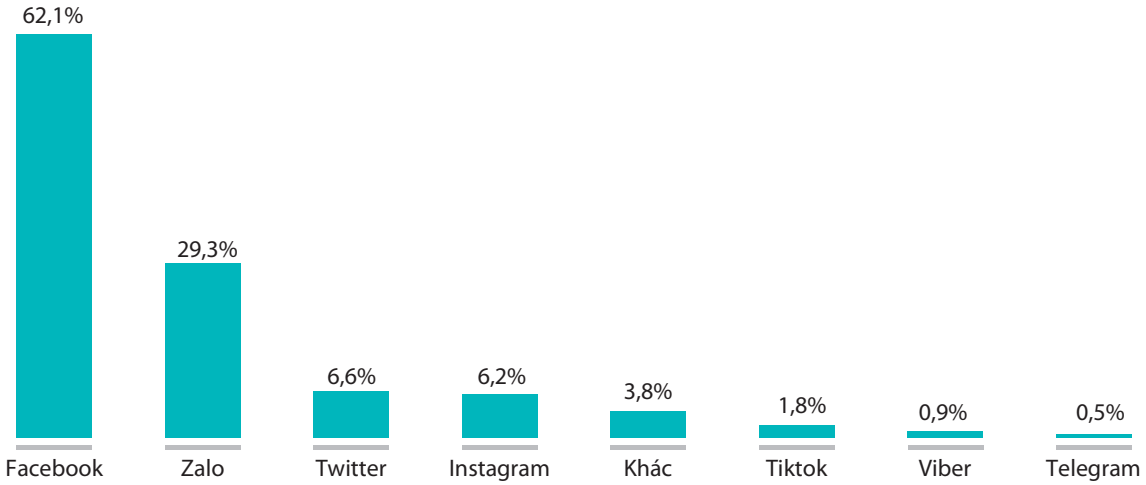

3. Website, ứng dụng di động tương thích môi trường di động

78,0% Website có phiên bản tương thích với thiết bị di động

13,4% Website có ứng dụng cho phép tải từ các kho ứng dụng

59,0% Ứng dụng di động có nội dung đồng nhất với website

Tỷ lệ ứng dụng TMĐT được xây dựng trên các nền tảng/hệ điều hành

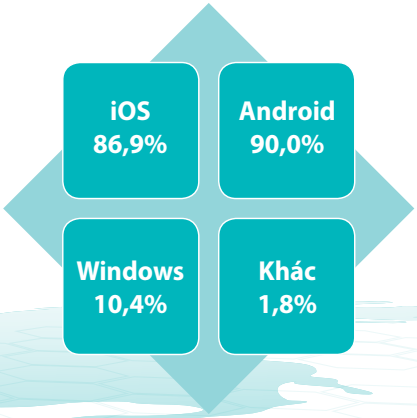

4. Tình hình thanh toán

4.1. Đơn hàng được thanh toán qua các hình thức

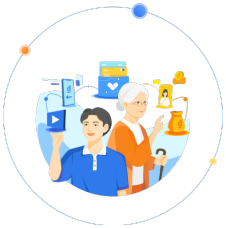

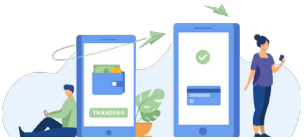

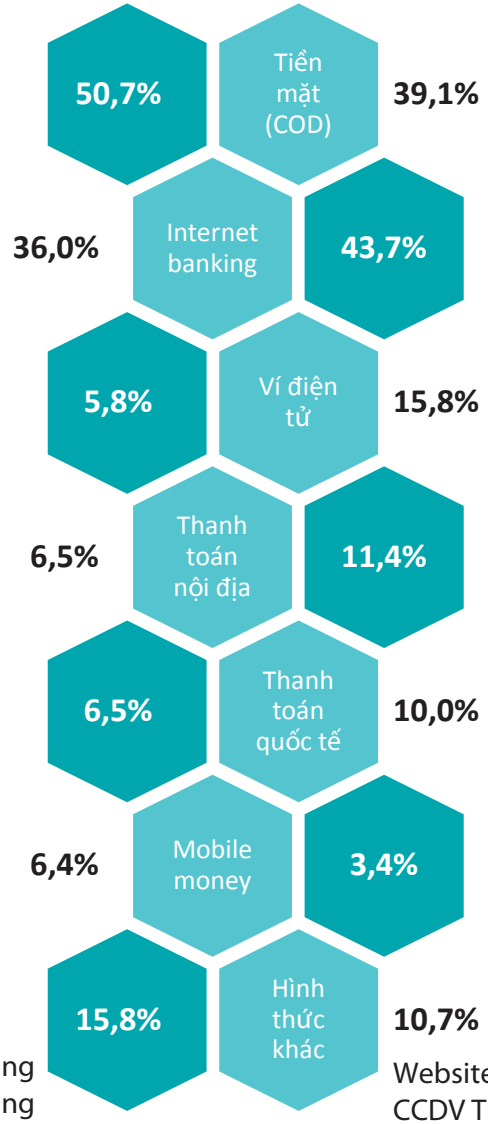

Website, ứng dụng TMĐT bán hàng

Website, ứng dụng CCDV TMĐT

4.2. Doanh thu thanh toán không dùng tiền mặt trong tổng doanh thu

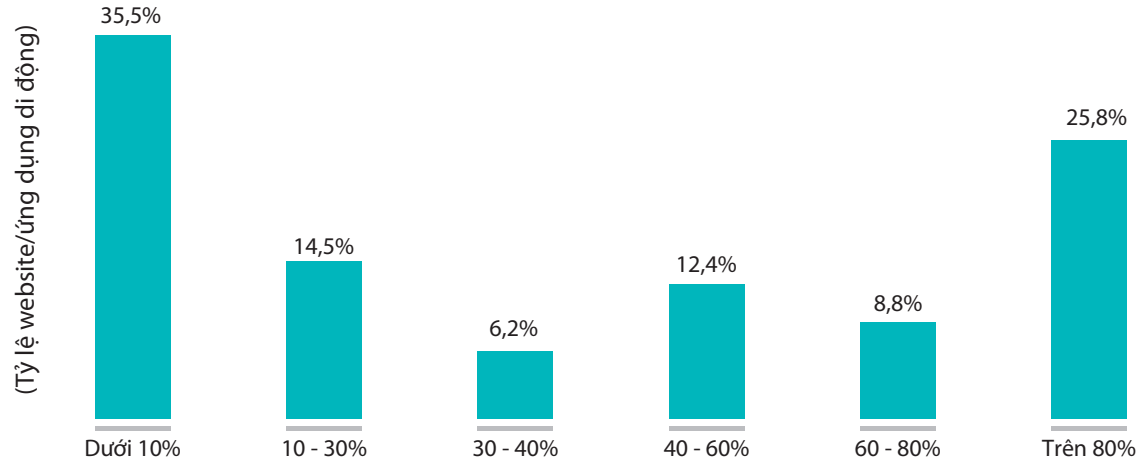

5. Chính sách và dịch vụ hỗ trợ

5.1. Tính năng hỗ trợ trực tuyến

92,8% Website, ứng dụng di động TMĐT có hỗ trợ trực tuyến

Các hình thức hỗ trợ người dùng trên website, ứng dụng di động

91,6%	Điện thoại/hotline	
	Tư vấn/ chat trực tuyến	62,6%
59,2%	E-mail	
	Hình thức khác	4,3%

5.2. Phương thức giao hàng được sử dụng phổ biến

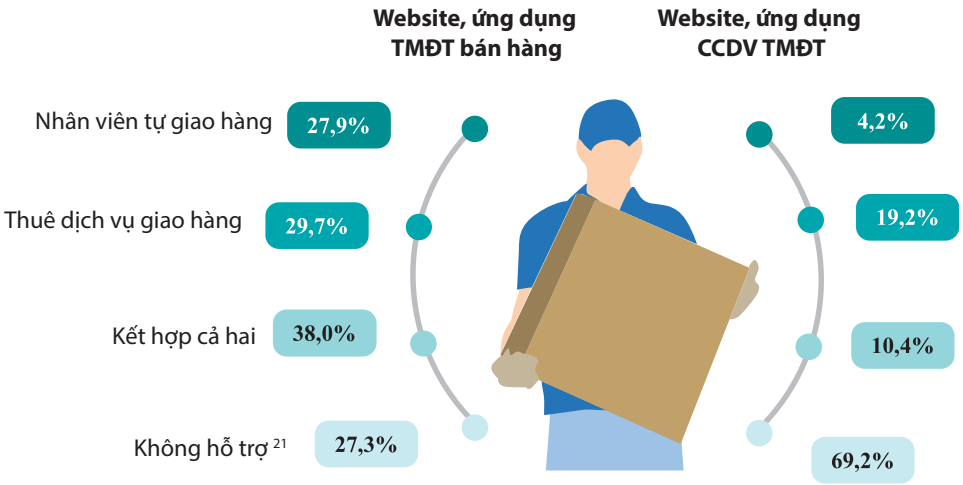

5.3. Các chính sách, cơ chế hỗ trợ khách hàng

	Website, ứng dụng TMĐT bán hàng	Website, ứng dụng CCDV TMĐT
• Chính sách bảo hành, bảo trì sản phẩm, dịch vụ	80,6%	60,0%
• Chính sách đổi trả hàng và hoàn tiền	80,4%	68,4%
• Chính sách giải quyết tranh chấp, khiếu nại	84,4%	94,2%
• Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân	94,0%	98,4%
• Cơ chế và quy trình rà soát và kiểm duyệt thông tin	81,4%	97,7%
• Cho phép khách hàng kiểm hàng trước khi nhận	75,5%	58,1%

[21] *Đối với website, ứng dụng CCDV TMĐT không hỗ trợ giao hàng, nhà cung cấp/ người bán hàng tự chịu trách nhiệm giao hàng.*

5.4. Các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin cho website

90,3% Website, ứng dụng di động triển khai biện pháp đảm bảo an toàn thông tin **98,9%**

Các biện pháp cụ thể

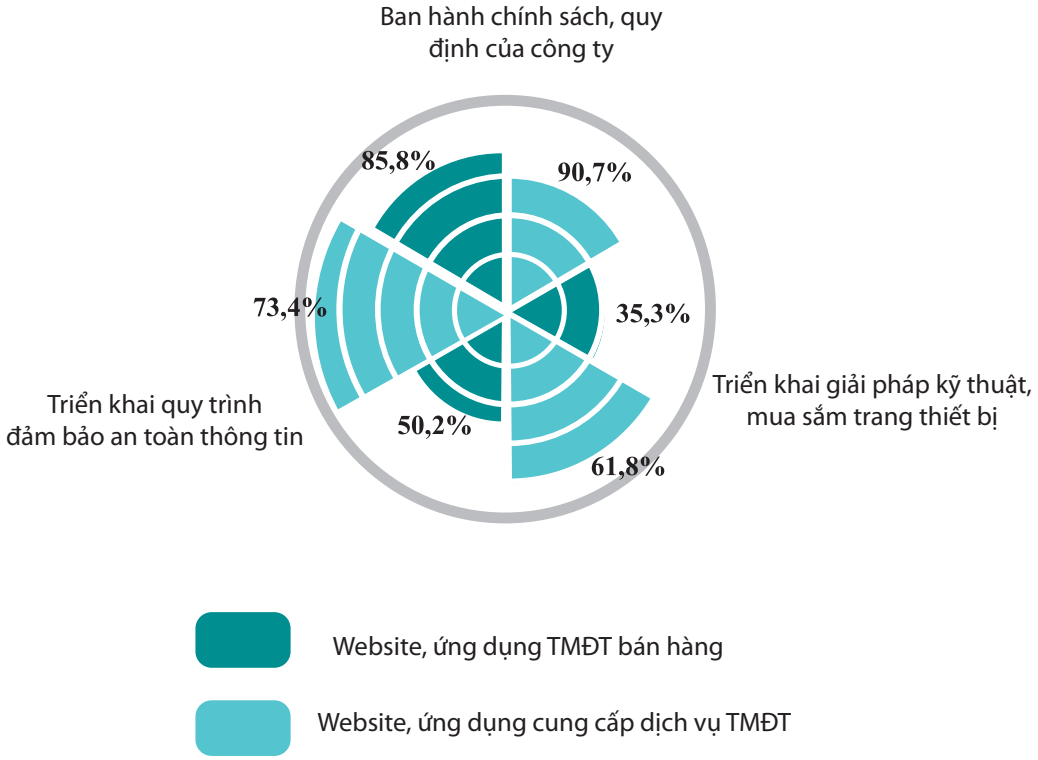

III. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG TMĐT BÁN HÀNG

1. Tổng quan

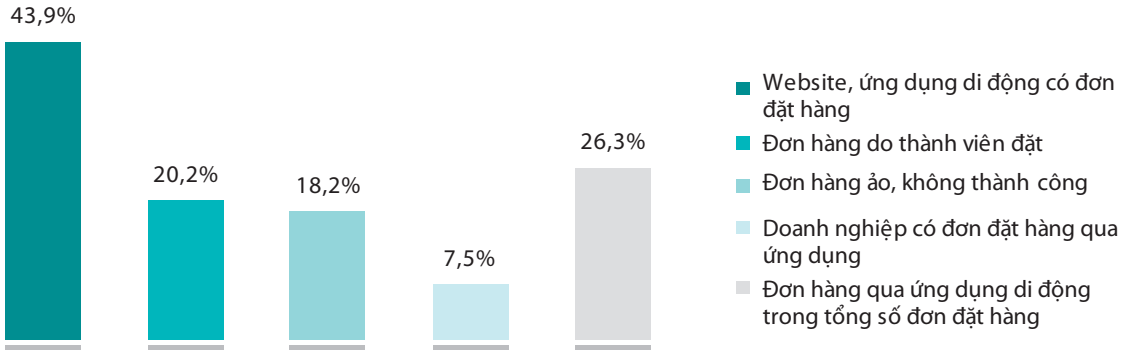

2. Hàng hóa, dịch vụ được mua, sử dụng nhiều nhất trên website, ứng dụng TMĐT bán hàng

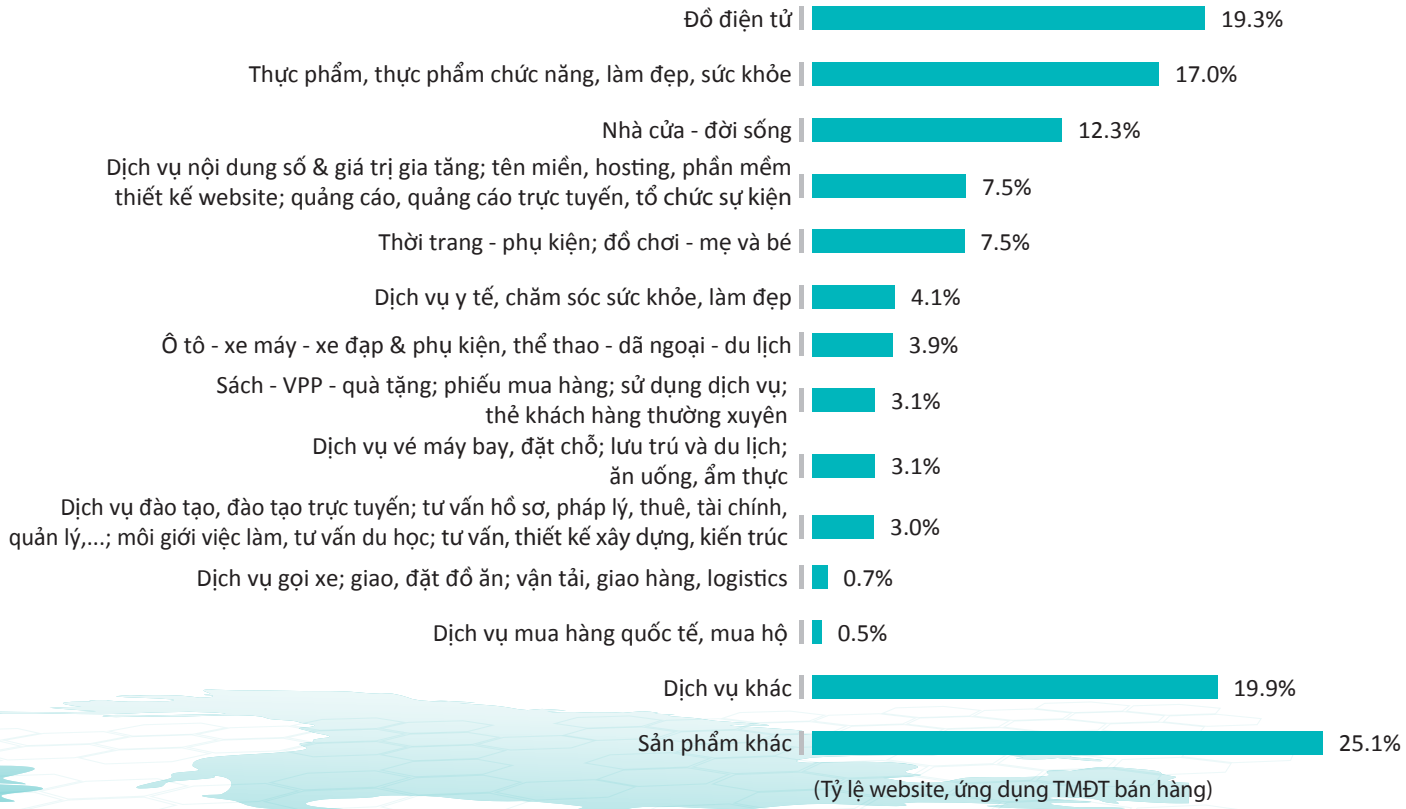

3. Giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua nhiều nhất trên website, ứng dụng TMĐT bán hàng

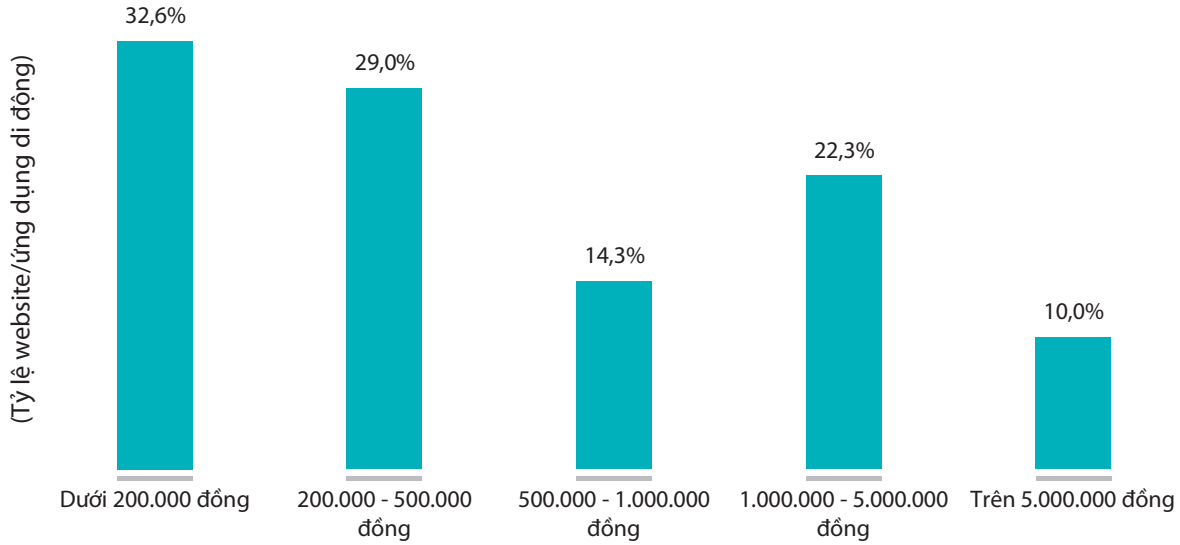

4. Tỷ lệ khách hàng mua hàng lần thứ 2 trở lên

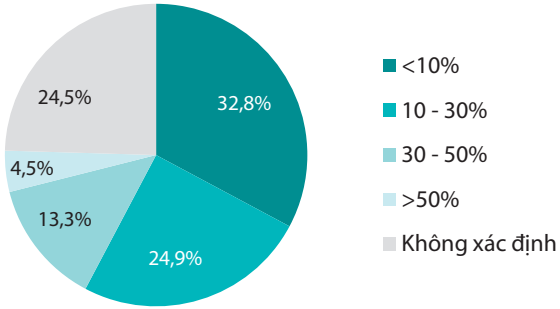

5. Nguồn thu chính của website, ứng dụng TMĐT bán hàng

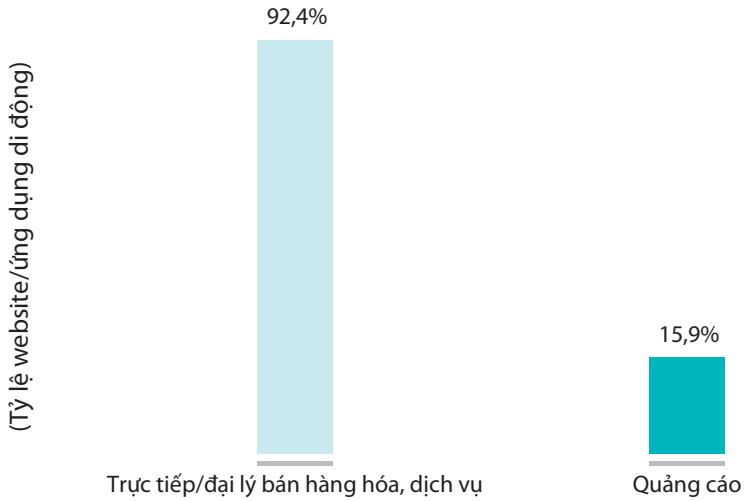

6. Tỷ lệ chi phí đầu tư đối với hoạt động TMĐT

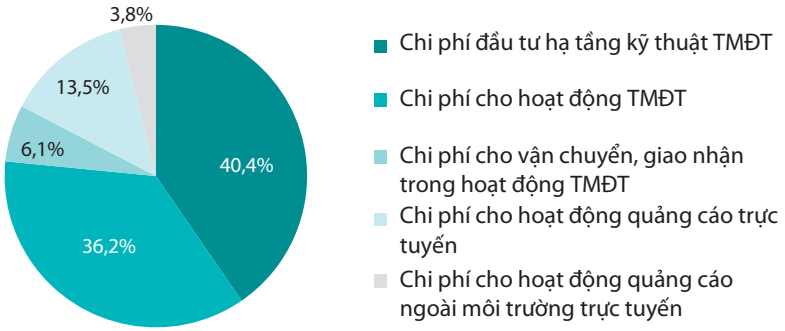

7. Thị phần TMĐT bán hàng

7.1. Danh sách doanh nghiệp đứng đầu về doanh thu TMĐT bán hàng

STT	Website/ứng dụng	Tên doanh nghiệp
1	amway.com.vn	Công ty TNHH Amway Việt Nam
2	Babilala: Tiếng Anh Cho Bé	Công ty Cổ phần Giáo dục EDUCA CORPORATION
3	bigc.vn	Công ty TNHH Dịch Vụ EB
4	concung.com	Công ty Cổ Phần Con Cưng
5	dienmayxanh.com	Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động
6	esale.zing.vn	Công ty Cổ phần VNG
7	fptshop.com.vn	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
8	giaohangnhanh.vn	Công ty CP Dịch vụ Giao Hàng Nhanh
9	hanoicomputer.vn	Công Ty Cổ phần Máy tính Hà Nội
10	hoanganh.com.vn	Công ty TNHH Hương liệu và Nguyên liệu Thực phẩm Hoàng Anh
11	hondaotobinhphuoc.com.vn	Công ty cổ phần TMDV ô tô Hoà Bình Minh-Chi Nhánh Bình Phước
12	ipay.vn	Công Ty Cổ phần Truyền thông IO
13	member-vn.unicity.com	Công ty TNHH Unicity Marketing Việt Nam
14	meta.vn	Công ty cổ phần mạng trực tuyến META
15	nhathuoclongchau.com	Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT
16	nuskin.com	Công ty TNHH Nu Skin Enterprises Việt Nam
17	oriflame.vn	Công ty TNHH ORIFLAME Việt Nam
18	vban.vn	Công ty CP giải pháp thanh toán Việt Nam
19	viettelstore.vn	Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel
20	vinfastauto.com	Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và Dịch vụ VinFast

Thứ tự doanh nghiệp trong danh sách không phản ánh xếp hạng về doanh thu

Danh sách được tổng hợp từ nguồn số liệu cung cấp bởi doanh nghiệp có website TMĐT bán hàng đã được Bộ Công Thương xác nhận thông báo

7.2. Thị phần doanh thu của nhóm doanh nghiệp đứng đầu về doanh thu TMĐT bán hàng

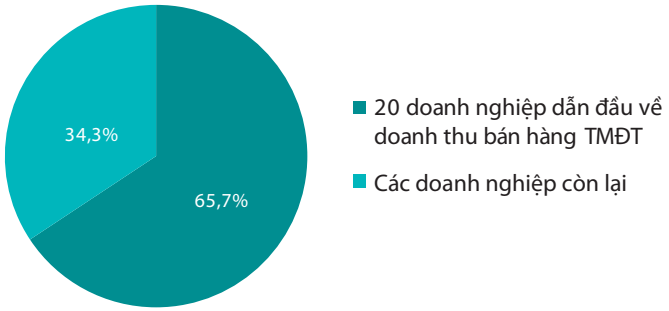

IV. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRÊN WEBSITE, ỨNG DỤNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TMĐT

1. Hàng hóa, dịch vụ được mua, sử dụng nhiều nhất trên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

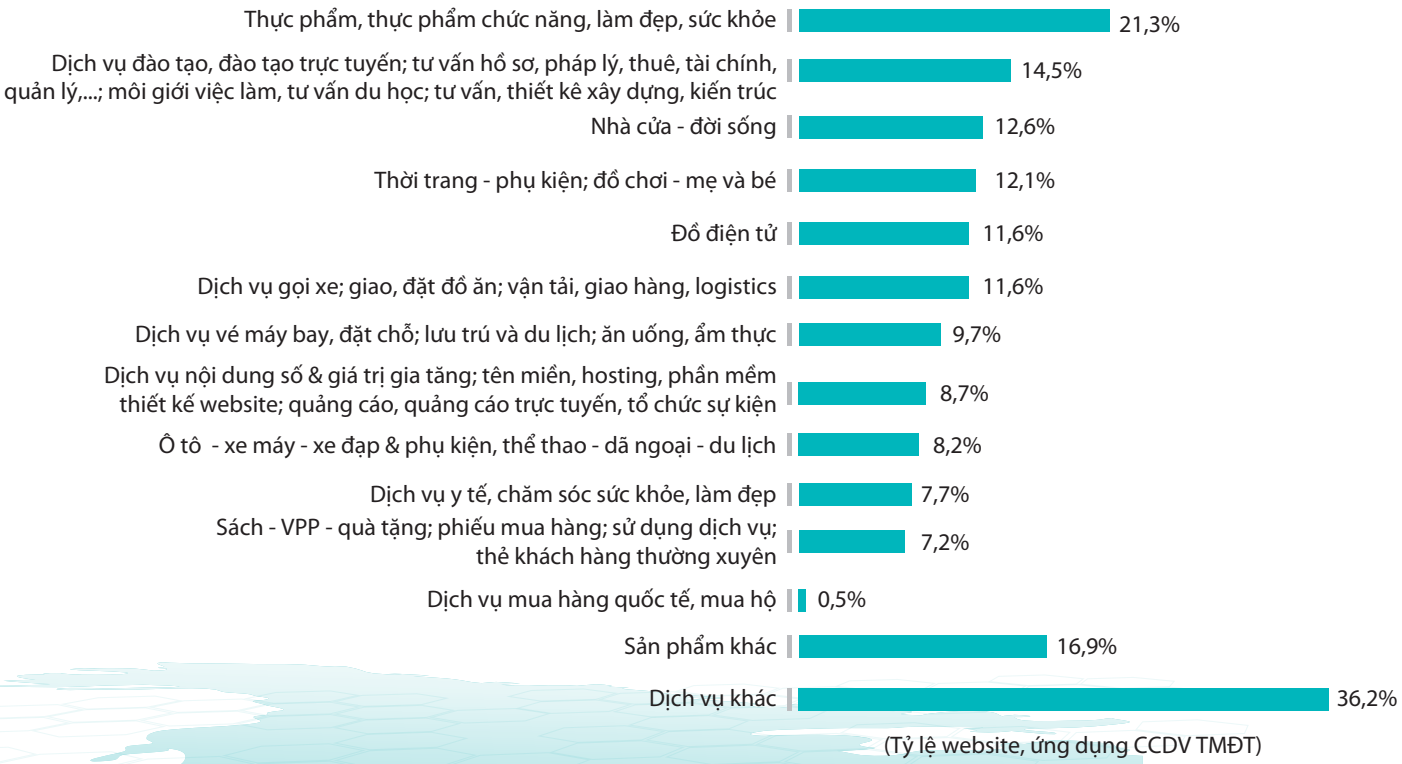

2. Giá trị hàng hóa, dịch vụ được mua nhiều nhất trên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

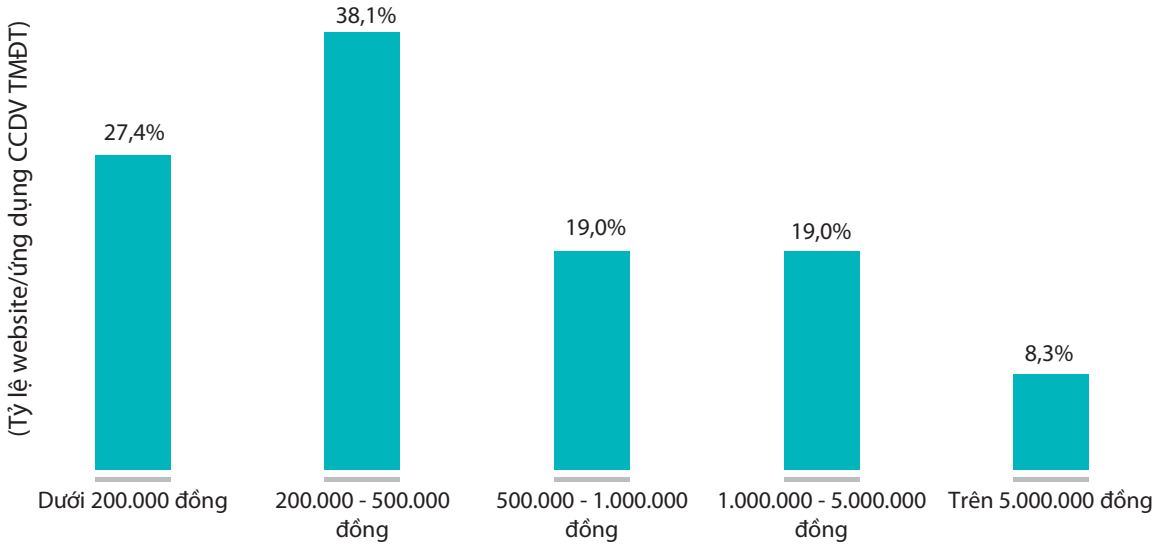

3. Khách hàng mua hàng lần thứ 2 trở lên

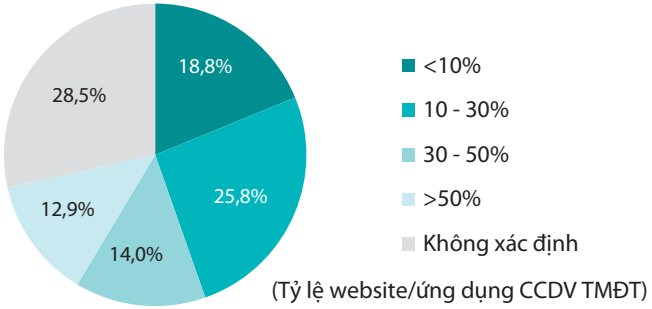

4. Nguồn thu chính của website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

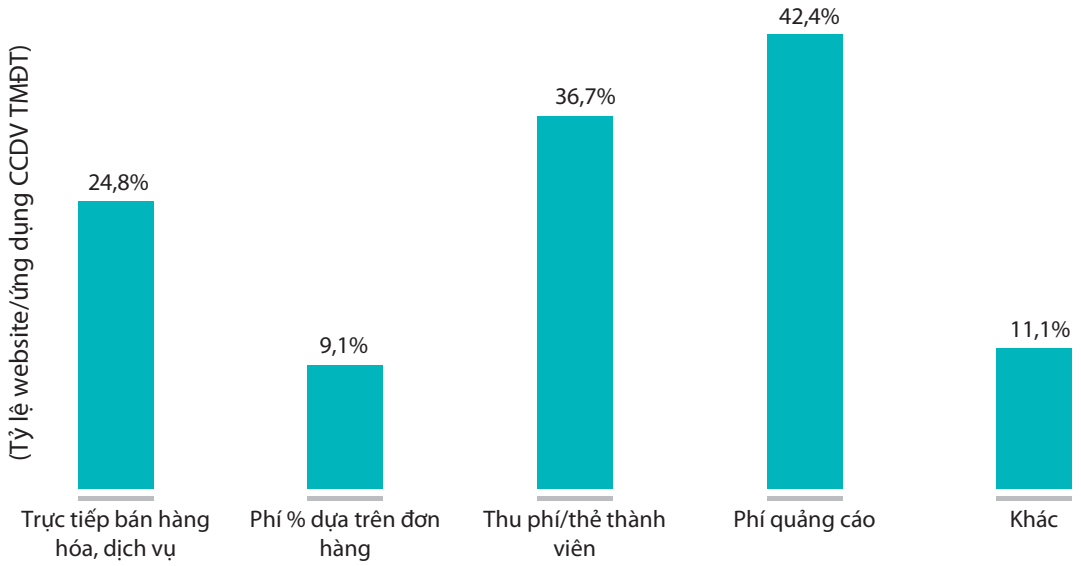

5. Chi phí đầu tư cho hoạt động TMĐT

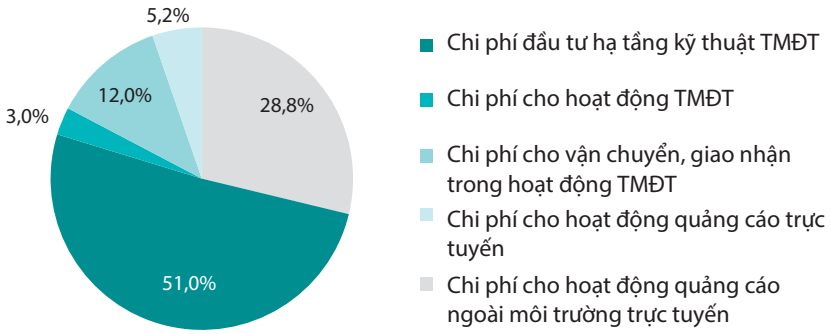

6. Thị phần cung cấp dịch vụ TMĐT

6.1. Nhóm doanh nghiệp dẫn đầu thị trường cung cấp dịch vụ TMĐT [22]

STT	Tên doanh nghiệp	Tên website/ứng dụng
1	Công ty TNHH Shopee	Shopee
2	Công ty TNHH Recess	Lazada
3	Công Ty TNHH Grab	Grab
4	Công Ty TNHH Woowa Brothers Việt Nam	Baemin
5	Công ty TNHH Ti Ki	Tiki
6	Công ty CP Thương mại Công nghệ GO VIET	GoJek
7	Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	Sendo
8	Công Ty Cổ Phần Foody	Foody/ShopeeFood
9	Công ty Cổ phần BE GROUP	Be
10	Công ty CP Dịch vụ Tức Thời	Aha Move

6.2. Thị phần doanh thu của website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

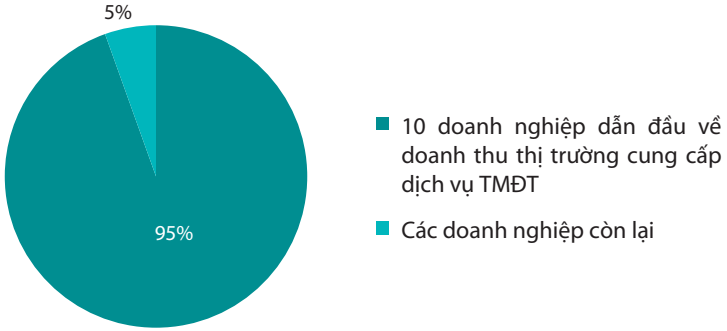

[22] *Dữ liệu thu thập từ báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT gửi Bộ Công Thương.*

7. Người bán nước ngoài trên website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

7.1. Tỷ lệ website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT có gian hàng của người bán nước ngoài

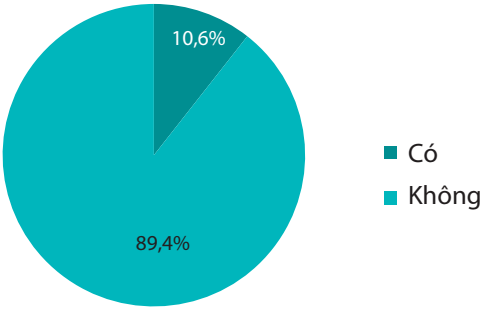

7.2. Lượng gian hàng của người bán nước ngoài trên website, ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT

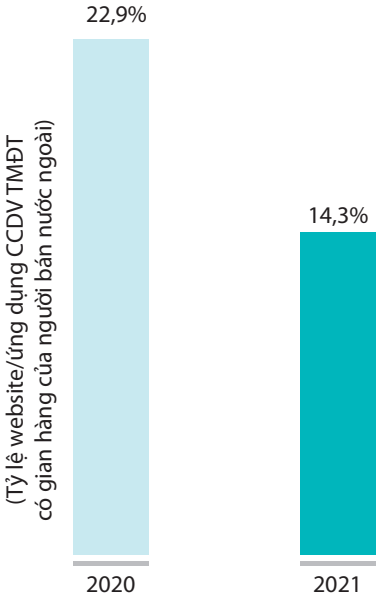

V. KHÓ KHĂN, TRỞ NGẠI KHI VẬN HÀNH WEBSITE/ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Doanh nghiệp đánh giá về khó khăn, trở ngại khi vận hành website, ứng dụng di động theo thang điểm từ 0 – 2 (không cản trở: 0, cản trở nhiều: 2).

Khó khăn, trở ngại khi vận hành website/ứng dụng TMĐT	Mức độ
Vận chuyển, giao nhận	0,86
Thu hút khách hàng	1,29
Vận hành website/ứng dụng	1,09
Đầu tư cho công nghệ	1,13
Khó khăn, trở ngại khác	0,79

PHỤ LỤC

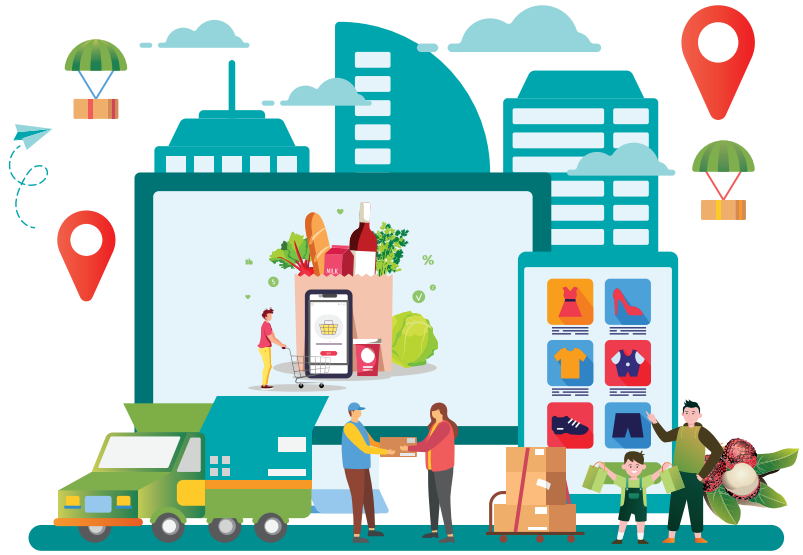

PHỤ LỤC 1: BẢNG CẬP NHẬT KHUNG PHÁP LÝ CƠ BẢN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

Thời gian ban hành	Luật	Trạng thái hiệu lực	
11/01/2022	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	01/03/2022	
13/11/2020	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022	
18/06/2020	Luật Đầu tư	Hết hiệu lực một phần	
17/06/2020	Luật Doanh nghiệp	Hết hiệu lực một phần	
14/6/2019	Luật Phòng, Chống tác hại của rượu, bia (PCTHRB)		
14/6/2019	Luật Thi hành án hình sự		
13/6/2019	Luật Quản lý Thuế		
12/6/2018	Luật An ninh mạng		
12/06/2018	Luật Cạnh tranh		
20/6/2017	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự		
12/6/2017	Luật Quản lý ngoại thương (QLNT)		
12/6/2017	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hết hiệu lực một phần	
06/04/2016	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế		
27/11/2015	Bộ Luật Hình sự	Hết hiệu lực một phần	
24/11/2015	Bộ Luật Dân sự		
19/11/2015	Luật An toàn thông tin mạng (ATTTM)	Hết hiệu lực một phần	
21/06/2012	Luật Quảng cáo	Hết hiệu lực một phần	

23/11/2009	Luật Viễn Thông	Hết hiệu lực một phần	
29/6/2006	Luật Công nghệ thông tin (CNTT)	Hết hiệu lực một phần	
29/11/2005	Luật Giao dịch điện tử (GDĐT)		
14/06/2005	Luật Thương mại	Hết hiệu lực một phần	
	Nghị định hướng dẫn Luật		**Văn bản bên trên**
05/09/2022	Nghị định 59/2022/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử		Luật GDĐT, Luật ANM
15/08/2022	Nghị định 53/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng		Luật ANM
25/09/2021	Nghị định 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử		Luật GDĐT, Luật TM
26/08/2021	Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa		Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
20/07/2021	Nghị định 70/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo		Luật quảng cáo
01/4/2021	Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp		Luật Doanh nghiệp
26/3/2021	Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư		Luật Đầu tư
04/01/2021	Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp		Luật Doanh nghiệp
19/10/2020	Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế		Luật Quản lý thuế
14/8/2020	Nghị định 91/2020/NĐ-CP chống tin nhắc rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác		Luật Quảng cáo
08/4/2020	Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử		Luật GDĐT

24/02/2020	Nghị định 24/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia		Luật PCTHRB
17/01/2020	Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		Luật Đầu tư
24/12/2018	Nghị định 165/2018/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính		Luật GDĐT
27/9/2018	Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số		Luật GDĐT
12/9/2018	Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		Luật GDĐT
11/3/2018	Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa		Luật HTDNNVV
01/3/2018	Nghị định số 28/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương		Luật QLNT
01/3/2018	Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng		Luật CNTT
15/01/2018	Nghị định 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài , tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Luật Thương mại, Luật QLNT
22/11/2012	Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (thay thế Nghị định số 64/2001/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán)		Luật CNTT
15/01/2018	Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Hết hiệu lực một phần	Luật Thương mại
24/4/2017	Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện		Luật Viễn thông
24/12/2016	Nghị định 166/2016/NĐ-CP quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	Hết hiệu lực một phần	

21/11/2016	Nghị định 156/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính		Luật GDĐT
1/7/2016	Nghị định 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt		Luật CNTT
1/7/2016	Nghị định 81/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông		Luật Viễn thông
14/11/2013	Nghị định 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo	Hết hiệu lực một phần	Luật Quảng cáo
08/11/2013	Nghị định 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung		Luật CNTT
15/7/2013	Nghị định 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng		Luật CNTT
16/5/2013	Nghị định 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử	Hết hiệu lực một phần	Luật GDĐT, Luật TM
22/11/2012	Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (thay thế Nghị định số 64/2001/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán)		Luật CNTT
13/6/2011	Nghị định 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước		Luật CNTT
06/4/2011	Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông		Luật Viễn thông
08/3/2007	Nghị định 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng		Luật GDĐT
23/02/2007	Nghị định 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính		Luật GDĐT
	Xử lý vi phạm		**Văn bản bên trên**
31/01/2022	Nghị định số 17/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí		

27/01/2022	Nghị định 14/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính viễn thông tần số vô tuyến điện công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và NĐ 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020		
26/8/2020	Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Hết hiệu lực một phần	
18/5/2020	Nghị định 54/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương		
03/02/2020	Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử	Hết hiệu lực một phần	Luật Viễn thông, Luật CNTT, Luật GDĐT, Luật ATTTM
24/4/2017	Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện		
20/3/2017	Nghị định 28/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo		
14/12/2015	Nghị định 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương		
07/4/2014	Nghị định 25/2014/NĐ-CP quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao		
13/11/2013	Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện		
12/11/2013	Nghị định 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch và quảng cáo		

	Thông tư hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định		
18/01/2022	Thông tư 01/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động		Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
13/12/2021	Thông tư 22/2021/TT-BTTTT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 91/2020/NĐ-CP ngày 14/8/2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác		Nghị định số 91/2020/NĐ-CP
08/12/2021	Thông tư 21/2021/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet		Nghị định số 72/2013/NĐ-CP
15/11/2021	Thông tư 100/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh		
29/09/2021	Thông tư 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế		Nghị định 126/2020/NĐ-CP
01/6/2021	Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh		
18/3/2021	Thông tư 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế		Nghị định 126/2020/NĐ-CP
30/10/2020	Thông tư 88/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		Nghị định số 119/2018/NĐ-CP
07/08/2020	Thông tư 73/2020/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán		Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
18/12/2019	Thông tư 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành		

30/9/2019	Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
31/8/2018	Thông tư 21/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia		
28/8/2018	Thông tư 19/2018/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc		
20/8/2018	Thông tư 21/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động		
19/12/2017	Thông tư 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán		Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
19/12/2017	Thông tư 41/2017/TT-BTTTT quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước		Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
27/4/2017	Thông tư 37/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính		
14/10/2016	Thông tư 30/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán	Hết hiệu lực một phần	
30/6/2016	Thông tư 20/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động và Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán		
06/6/2016	Thông tư 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực	Hết hiệu lực một phần	

31/12/2015	Thông tư 59/2015/TT-BCT quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động	Hết hiệu lực một phần	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
18/8/2015	Thông tư 24/2015/TT-BTTTT quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet	Hết hiệu lực một phần	Nghị định số 72/2013/NĐ-CP
22/06/2015	Thông tư 96/2015/TT-BTC Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phù quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính		Nghị định số 12/2015/NĐ-CP
27/02/2015	Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tai Nghị đinh số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung môt số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	Hết hiệu lực một phần	Nghị đinh số 12/2015/NĐ-CP
31/12/2014	Thông tư 46/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt		Nghị định số101/2012/NĐ-CP
05/12/2014	Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử (thay thế Thông tư số 12/2013/TT-BCT quy định thủ tục thông báo, đăng ký và công bố thông tin liên quan đến website thương mại điện tử)	Hết hiệu lực một phần	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
25/08/2014	Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế	Hết hiệu lực một phần	
31/3/2014	Thông tư 39/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	Hết hiệu lực một phần	

06/12/2013	Thông tư 10/2013/TT-BVHTTDL quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo		Nghị định số 181/2013/ NĐ-CP
28/6/2013	Thông tư 87/2013/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán		
10/07/2012	Thông tư 10/2012/TT-BTTTT Ban hành Danh mục dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông		Nghị định số 25/2011/ NĐ-CP
10/9/2012	Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ Luật hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông		Bộ Luật Hình sự
31/3/2011	Thông tư 08/2011/TT-BTTTT sửa đổi thông tư 37/2009/TT-BTTTT quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành		
14/3/2011	Thông tư 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ		Nghị định số 27/2007/ NĐ-CP
15/11/2010	Thông tư 25/2010/TT-BTTTT quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước		Nghị định số 64/2007/ NĐ-CP
14/12/2009	Thông tư 37/2009/TT-BTTTT quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số	Hết hiệu lực một phần	Nghị định số 26/2007/ NĐ-CP
02/03/2009	Thông tư 03/2009/TT-BTTTT quy định về mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet		Nghị định số 90/2008/ NĐ-CP
15/09/2008	Thông tư 78/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/ NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính		Nghị định số 27/2007/ NĐ-CP

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH TỈNH/THÀNH PHỐ BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TẠI ĐỊA PHƯƠNG

STT	ĐỊA PHƯƠNG	VĂN BẢN BAN HÀNH
1	An Giang	Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2021
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 20201
3	Bắc Giang	Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020
4	Bắc Kạn	Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020
5	Bắc Ninh	Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021
6	Bình Định	Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020
7	Bình Phước	Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021
8	Bình Thuận	Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2020
9	Bình Dương	Kế hoạch 3248/KH-UBND của UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021
10	Cà Mau	Quyết định số 1669/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2020
11	Cao Bằng	Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2020
12	Cần Thơ	Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021
13	Đà Nẵng	Kế hoạch số 7950/KH-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020
14	Đắk Lắk	Kế hoạch số 8820/KH-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020
15	Đắk Nông	Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020
16	Điện Biên	Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2020
17	Đồng Nai	Quyết định số 4025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020
18	Đồng Tháp	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021

STT	ĐỊA PHƯƠNG	VĂN BẢN BAN HÀNH
19	Gia Lai	Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020
20	Hà Giang	Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020
21	Hà Nội	Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020
22	Hà Tĩnh	Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020
23	Hải Dương	Kế hoạch số 4604/KH-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020
24	Hậu Giang	Kế hoạch số 1965/KH-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020
25	Hòa Bình	Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020
26	Hưng Yên	Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020
27	Khánh Hòa	Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020
28	Kiên Giang	Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020
29	Kon Tum	Kế hoạch số 3045/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020
30	Lai Châu	Kế hoạch số 1344/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020
31	Lâm Đồng	Kế hoạch số 1392/KH-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021
32	Lạng Sơn	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2020
33	Lào Cai	Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2020
34	Long An	Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2020
35	Nam Định	Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020
36	Ninh Bình	Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020
37	Nghệ An	Kế hoạch số 400/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021
38	Phú Thọ	Kế hoạch số 3423/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2020

STT	ĐỊA PHƯƠNG	VĂN BẢN BAN HÀNH
39	Phú Yên	Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
40	Quảng Bình	Quyết định số 4733/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020
41	Quảng Nam	Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020
42	Quảng Ngãi	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020
43	Quảng Ninh	Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2020
44	Quảng Trị	Kế hoạch số 4715/KH-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020
45	Sóc Trăng	Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2021
46	Sơn La	Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020
47	Tây Ninh	Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021
48	Thái Bình	Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020
49	Thái Nguyên	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021
50	Thanh Hóa	Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2020
51	Thừa Thiên - Huế	Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020
52	Tuyên Quang	Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021
53	Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020
54	Tiền Giang	Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020
55	Trà Vinh	Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020
56	Vĩnh Long	Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020
57	Vĩnh Phúc	Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020
58	Yên Bái	Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM NĂM 2022

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên Tập
NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập viên
ĐỒNG THỊ THU THUỶ

Chủ biên
ĐẶNG HOÀNG HẢI
Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Biên soạn nội dung
LẠI VIỆT ANH - LÊ THỊ HÀ
NGUYỄN HỮU TUẤN - LÊ THỊ THU HẰNG - ĐỖ QUANG HUY

Bản quyền thuộc về

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ
BỘ CÔNG THƯƠNG
www.idea.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3 934 1562 - Fax: 024 3 938 7164
Website: http://nhaxuatbancongthuong.com.vn - Email: nxbct@moit.gov.vn

---

In 2.000 cuốn, khổ 20.5 x 20.5 cm tại **công ty TNHH in Đại Thành**
Địa chỉ: P3, A7, Khu TT Công ty du lịch 12, ngõ 279 Đội Cấn, P.Liễu Giai, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
QĐXB số: **220/QĐ-NXBCT ngày 30 tháng 08 năm 2022** - XNĐKXB số: **2782-2022/CXBIPH/02-152/CT**
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2022

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ
25 NGÔ QUYỀN, HOÀN KIẾM, HÀ NỘI, VIỆT NAM
WWW.IDEA.GOV.VN

SÁCH KHÔNG BÁN

9 786043 623017